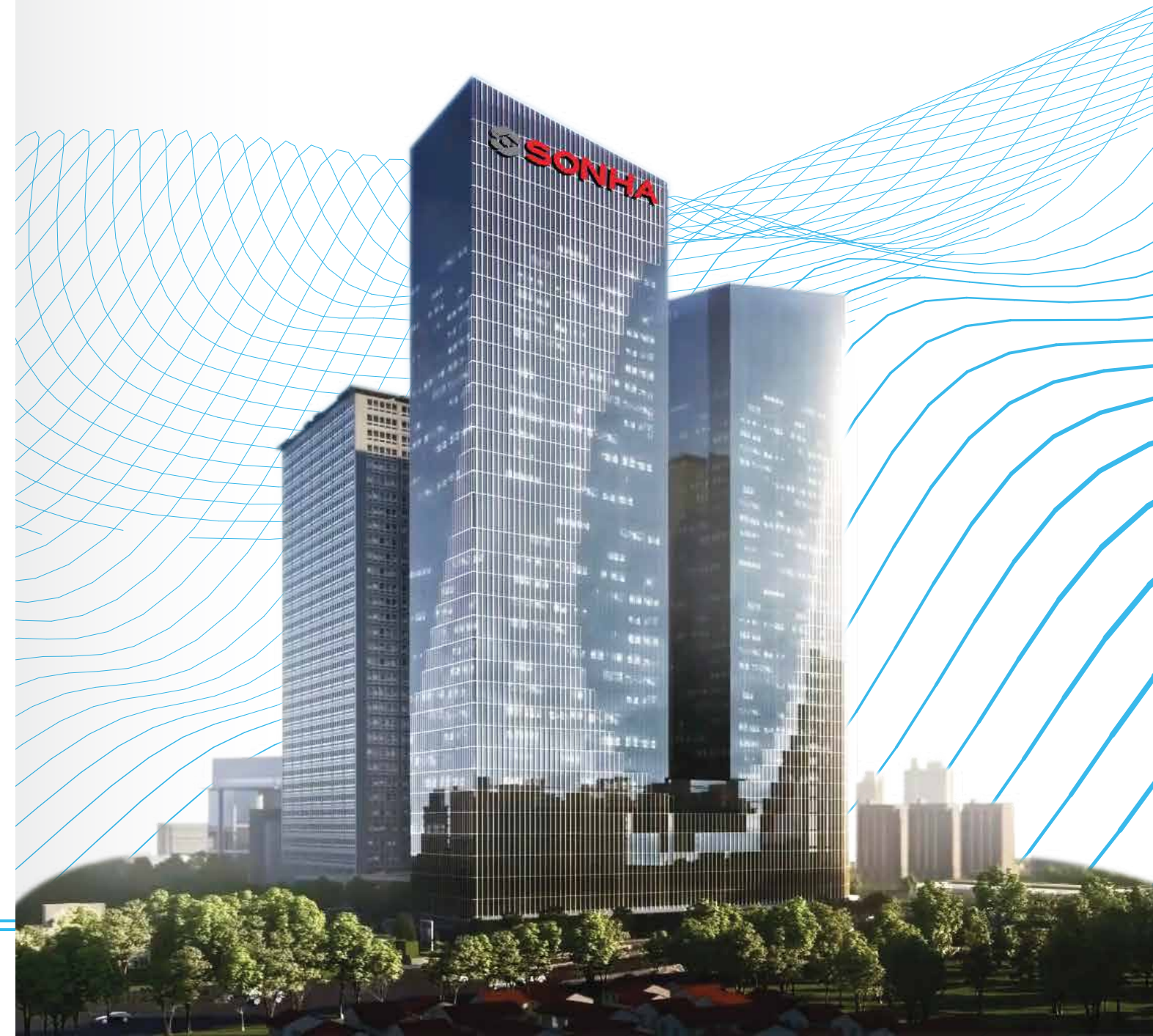




VỮNG BƯỚC KỶ NGUYÊN XANH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ

Trụ sở chính: Số 2, Phố Thanh Lâm - Phường Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Hội sở: Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai - P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 1800 6566

Email: support@sonha.com.vn

Website: www.sonha.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020

Son Hà đang tiến những bước vững chắc trên con đường xây dựng một thương hiệu vượt khỏi biên giới quốc gia. Sau hơn 22 năm phát triển, tinh thần khởi nghiệp ban đầu của Son Hà vẫn luôn là xây dựng một thương hiệu Việt: Là thương hiệu tự xây dựng của người Việt, là thương hiệu Quốc gia, là niềm kiêu hãnh của trí tuệ và sức sáng tạo Việt.



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với tính cách thương hiệu “Người Tiên Phong”, đổi mới tư duy và cách làm, Sơn Hà sẽ tái tạo lại nguồn năng lượng tích cực, sáng tạo trong mỗi thành viên để chuyển mình mạnh mẽ với mục tiêu tăng trưởng trên 30% so với năm 2020.

Kính gửi: Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý khách hàng!

Chúng ta vừa trải qua một năm sản xuất, kinh doanh đặc biệt nhất trong lịch sử với tất cả những diễn biến thị trường và xã hội mà chúng ta không lường trước được. Đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 kéo đến bất ngờ đã làm cả thế giới chao đảo: Sức khỏe cộng đồng và kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Giao dịch thương mại, lưu thông hàng hóa và dịch vụ bị ngưng trệ. Nhiều doanh nghiệp đã và đang đối mặt với nguy cơ phải đóng cửa. Nhiều lao động mất việc làm hoặc giảm thu nhập. Hiện tại, các quốc gia, bao gồm cả đất nước chúng ta vẫn đang phải tìm cách thích nghi và vượt qua đại dịch. Tại Việt Nam, bên cạnh việc đối phó với đại dịch, chúng ta còn phải đối phó với thiên tai, lũ lụt, hạn hán... gây ảnh hưởng nặng nề đến mọi mặt của đời sống xã hội.

Chính trong bối cảnh mới đầy thách thức, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã đưa ra quyết sách nhanh chóng, kịp thời và sáng tạo để dẫn dắt Tập đoàn vượt qua cơn bão đại dịch. Với sự đoàn kết, đồng lòng và nhất trí cao, người Sơn Hà không những vượt qua mùa Covid 2020, không bị gián đoạn hoạt động sản xuất mà còn đạt được 2 thành công lớn; Tái cấu trúc toàn diện Tập đoàn và đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh. Nhờ đó, Sơn Hà đã vươn mình vượt khó, những kế hoạch đề ra đều ghi nhận kết quả đáng mong đợi. Doanh thu hợp nhất thực tế đạt 111,5% so với kế hoạch năm 2020.

Năm vừa qua, các ngành nghề truyền thống của Tập đoàn vẫn đạt tốc độ tăng trưởng cao, chiếm lĩnh thị trường nội địa. Trên cơ sở đó, Tập đoàn tiếp tục chinh phục ngành năng lượng tái tạo, ngành nước và bất động sản công nghiệp với những thành quả và tín hiệu tích cực. Sơn Hà, từ một tập đoàn đầu ngành trong nước đang từng bước hướng đến vị thế của một tập đoàn đa ngành hàng đầu khu vực Đông Nam Á. Đến nay, Sơn Hà tự hào sở hữu 20 công ty thành viên, 9 nhà máy, 120 chi nhánh trong và ngoài nước, mở rộng mạng lưới hơn 20.000 điểm phân phối trên toàn quốc. Sản phẩm của Sơn Hà cũng được xuất khẩu tới 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới và được khách hàng quốc tế đánh giá cao về uy tín, chất lượng.

Theo dự báo, 2021 – 2023 là giai đoạn phục hồi hậu Covid-19 với nhiều sự sắp xếp lại chuỗi cung ứng và phương thức vận hành. Mặc dù vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức ở phía trước nhưng tôi tin tưởng rằng, với những nền tảng vững chắc mà chúng ta đã xây dựng được trong suốt 22 năm qua, chúng ta sẽ chinh phục được tất cả những mục tiêu đã đề ra để vươn lên một tầm cao mới. Với tính cách thương hiệu “Người Tiên Phong”, đổi mới tư duy và cách làm, Sơn Hà sẽ tái tạo lại nguồn năng lượng tích cực, sáng tạo trong mỗi thành viên để chuyển mình mạnh mẽ với mục tiêu tăng trưởng trên 30% so với năm 2020.

Để hoàn thành những kì vọng đó, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ quý giá của Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý khách hàng trong hành trình sắp tới. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin nhiệm và đồng hành của Quý vị trong thời gian qua. Xin kính chúc Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư, Quý khách hàng nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn!



Chủ tịch HĐQT
Lê Vinh Sơn



**Xây Chất Lượng -
Dựng Niềm Tin**

Ông Lê Vinh Sơn
Chủ tịch Tập đoàn Sơn Hà

PHẦN I DẤU ẤN SƠN HÀ



Những con số ấn tượng

5.562

Tổng doanh thu đạt
5.562 tỷ đồng

5.360

Doanh thu thuần đạt
5.360 tỷ đồng

4.504

Tổng giá trị tài sản đạt
4.504 tỷ đồng

713,9

Lợi nhuận gộp đạt
713,9 tỷ đồng

260

Nộp ngân sách Nhà nước
260 tỷ đồng

1825

1825 cán bộ
công nhân viên

18

18 công ty thành viên

09

Nhà máy trong và ngoài nước

120

Chi nhánh

20.000

Điểm phân phối

35

Xuất khẩu tới 35 quốc gia
và lãnh thổ

NHỮNG SỰ KIỆN NỔI BẬT



Lần thứ 3 vinh danh
"Thương hiệu Quốc gia"

Năm 2020, công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà lần thứ 3 liên tiếp được vinh danh "Thương hiệu Quốc gia". Đây là chương trình duy nhất của Chính phủ Việt Nam tiến hành với mục đích quảng bá hình ảnh quốc gia, thương hiệu quốc gia thông qua thương hiệu sản phẩm. Trong sự cạnh tranh gắt gao và sòng phẳng của nền kinh tế thị trường, Sơn Hà đã xác định con đường riêng của mình là nhà sản xuất 100% Việt Nam, dùng bàn tay khối óc người Việt để làm ra những sản phẩm tốt nhất phục vụ người tiêu dùng Việt. Trải qua 22 năm xây dựng và phát triển Sơn Hà đã phục vụ hàng chục triệu gia đình Việt, xuất khẩu tới hơn 35 quốc gia và vùng lãnh thổ.



Ký kết hợp tác
cùng EVN Hà Nội

Nhằm đẩy mạnh việc phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, đặc biệt là năng lượng mặt trời, nguồn năng lượng được đánh giá là có tiềm năng tại Việt Nam, ngày 12/3/2020, Tập đoàn Sơn Hà đã ký kết thỏa thuận hợp tác phát triển điện mặt trời áp mái trên địa bàn thành phố Hà Nội với Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội (EVN Hà Nội).

Trong bối cảnh ngày nay, khi mà mô hình kinh tế truyền thống vốn phụ thuộc vào năng lượng hóa thạch đang dần hủy hoại môi trường, làm suy thoái các nguồn tài nguyên và gây ra những hậu quả nghiêm trọng, việc ký kết giữa EVN Hà Nội và Tập đoàn Sơn Hà được kỳ vọng sẽ tiên phong trong xây dựng mô hình hợp tác tiêu biểu giữa EVN và các doanh nghiệp tư nhân, mang sản phẩm điện mặt trời áp mái "ích nước - lợi nhà" phổ cập đến từng hộ dân, văn phòng, nhà máy...



Tập đoàn Sơn Hà công bố
thành lập Ban chiến lược
và bổ nhiệm
lãnh đạo cấp cao

Nhằm thực hiện công tác tham mưu cho Ban Lãnh đạo Tập đoàn trong việc định hướng và triển khai các mục tiêu chiến lược trong từng giai đoạn, ngày 04/5/2020, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Sơn Hà đã ban hành Quyết định số 99/2020/QĐ-SH về việc thành lập Ban Chiến lược của Tập đoàn do Chủ tịch HĐQT làm Trưởng Ban.

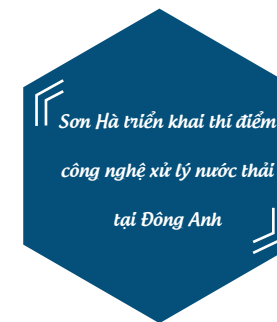
Với việc thành lập của Ban Chiến lược, công tác hoạch định chiến lược của Tập đoàn sẽ được quan tâm, nâng tầm xứng đáng, đảm bảo việc nghiên cứu tham luận và hoạch định một cách bài bản, rõ nét nhất.



Đại hội cổ đông
thường niên 2020

Sáng ngày 18/6/2020, Tập đoàn Sơn Hà tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2020 thông qua một số nội dung quan trọng với tỷ lệ nhất trí cao.

Báo cáo trước cổ đông, Chủ tịch HĐQT Lê Vinh Sơn đã đưa ra một số hoạt động cần tập trung chỉ đạo trong năm 2020, gồm: Tiếp tục kế hoạch tái cơ cấu Tập đoàn theo mô hình mới; Xây dựng và thực hiện đề án tái cấu trúc giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030; Kiện toàn hoạt động của HĐQT, Ban TGD, hệ thống kiểm soát nội bộ... theo một hệ thống quản trị mới, hiện đại, phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty; Đào tạo và tuyển dụng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực quản lý; Đầu tư công nghệ thông tin, dây truyền máy móc thiết bị hiện đại, nâng cao quản trị rủi ro về pháp lý, kiểm soát nội bộ.



Sơn Hà triển khai thí điểm
công nghệ xử lý nước thải
tại Đông Anh

Sau một thời gian đồng hành với Tập đoàn Sơn Hà nghiên cứu các giải pháp xử lý nước thải, Đông Anh đã trở thành địa phương đầu tiên trên cả nước chính thức chạy thử nghiệm công nghệ xử lý nước thải áp dụng công nghệ Jokaso Nhật Bản và GJR Hàn Quốc do Sơn Hà phát triển.

Trong đó, Jokaso là giải pháp xử lý nước thải tại nguồn không qua bể tự hoại áp dụng công nghệ Nhật Bản, phù hợp với quy mô nhỏ; GJR - công nghệ xử lý nước thải tốc độ cao, lọc sạch nước trong thời gian ngắn, được phát triển bởi Viện Nghiên cứu nước TP Gyeongju (Hàn Quốc), phù hợp với quy mô lớn.



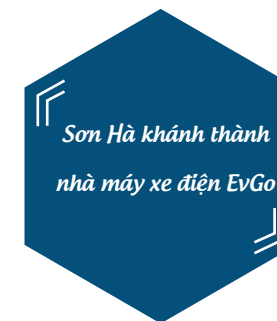
Công đoàn Sơn Hà
chuyển giao về
trực thuộc công đoàn
Công thương Việt Nam

Ngày 21/8/2020, tại trụ sở văn phòng Tập đoàn Sơn Hà, Công đoàn Công Thương Việt Nam, Liên Đoàn Lao Động (LĐLĐ) Thành Phố Hà Nội cùng Tập đoàn Sơn Hà đã tổ chức thành công tốt đẹp Lễ chuyển giao Công đoàn Cơ sở Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà về Công đoàn Công thương Việt Nam. Công đoàn Công Thương Việt Nam sẽ tiếp tục tăng cường duy trì quan hệ, chỉ đạo để Công đoàn Cơ sở nhận được sự quan tâm phối hợp. Thông qua hoạt động Công ty kết nối tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp trong Công đoàn Công thương. Với những sản phẩm của Sơn Hà đã có chỗ đứng trên thị trường, LĐLĐ Công Thương đã triển khai phúc lợi đoàn viên, đội ngũ đoàn viên Công đoàn Công Thương sử dụng, xem xét triển khai chương trình phối hợp quảng bá sản phẩm Công ty, giúp Công ty tạo việc làm thu nhập ổn định cho người lao động.



Lễ Kick off
"Tôi thay đổi"

Lễ Kick-Off chiến dịch "Tôi thay đổi" được tổ chức với mong muốn tạo nên một sự chuyển mình, bứt phá để mỗi con người Sơn Hà dám thay đổi, bước ra khỏi vùng an toàn, phá vỡ giới hạn bản thân, từ đó khai phá ra những giá trị sức mạnh tiềm ẩn của chính mình. Sự thay đổi của mỗi con người Sơn Hà sẽ tạo nên một nguồn năng lượng tích cực mang đến cho Sơn Hà một sức mạnh mới để cùng nhau vượt qua mọi thử thách hướng đến thành công.



Sơn Hà khánh thành
nhà máy xe điện EvGo

Ngày 2/10/2020, Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng Sơn Hà (SHE) tổ chức Lễ khánh thành Nhà máy sản xuất xe điện EVgo - thuộc khu công nghiệp Thuận Thành II, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Nhà máy sản xuất xe điện EVgo được khánh thành với sứ mệnh mang đến giải pháp thay thế xe máy xăng phục vụ người tiêu dùng Việt Nam; thúc đẩy cuộc cách mạng giao thông xanh và hưởng ứng tích cực phong trào bảo vệ môi trường tại Việt Nam.



Ra mắt ứng dụng
cho điện mặt trời áp mái
FREESOLAR APP

Ngày 11/11/2020, Tập đoàn Sơn Hà chính thức cho "lên sàn" ứng dụng FreeSolar - FreeSolar app bằng lễ ra mắt mang chủ đề "Chạm - Khởi nguồn sáng xanh".

FreeSolar là hệ thống điện năng lượng mặt trời áp mái được sản xuất và lắp đặt theo tiêu chuẩn công nghệ châu Âu, được Tập đoàn Sơn Hà phát triển với mục tiêu góp phần xây dựng cuộc sống xanh bền vững cho mọi gia đình Việt. FreeSolar app sẽ đóng vai trò là công cụ để Tập đoàn tiếp tục hiện thực hóa xây dựng hệ sinh thái sử dụng điện mặt trời áp mái tại Việt Nam.

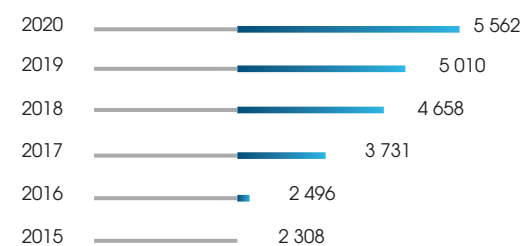
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Giai đoạn 2015 - 2020

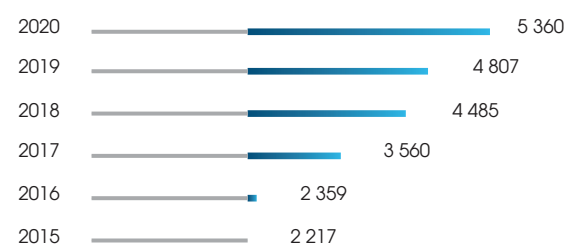
Bảng thống kê tình hình tài chính cơ bản của Tập đoàn Sơn Hà giai đoạn 2015 - 2020 (Đơn vị tính: tỷ đồng)

TT	Tiêu chí	2015	2016	2017	2018	2019	2020
1	Tổng doanh thu	2 308	2 496	3 731	4 658	5 010	5 562
2	Doanh thu thuần	2 217	2 359	3 560	4 485	4 807	5 360
3	Lợi nhuận gộp	340	451	473	582	682	713
4	Vốn chủ sở hữu	686	843	916	1 116	1 275	1 322
5	Nộp ngân sách Nhà nước	110	138	209	213	216	260
6	Tổng tài sản	1 786	2 134	2 977	3 529	4 061	4 504

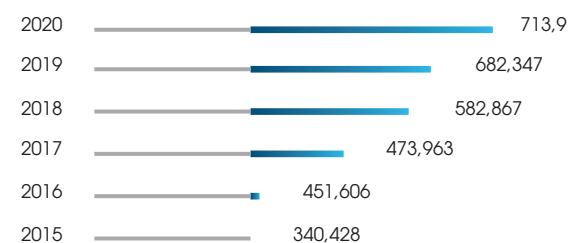
Tổng doanh thu (Đơn vị: tỷ đồng)



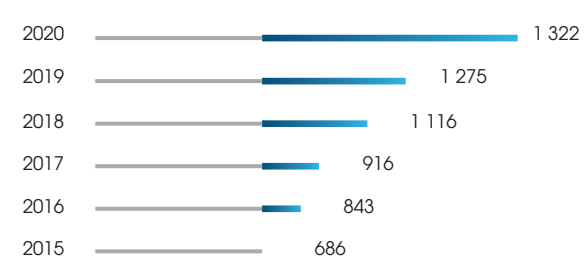
Doanh thu thuần (Đơn vị: tỷ đồng)



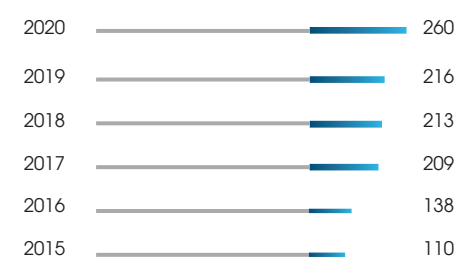
Lợi nhuận gộp (Đơn vị: tỷ đồng)



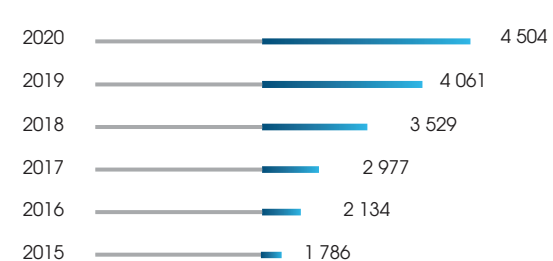
Vốn chủ sở hữu (Đơn vị: tỷ đồng)



Nộp ngân sách nhà nước (Đơn vị: tỷ đồng)



Tổng tài sản (Đơn vị: tỷ đồng)





PHẦN II
TỔNG QUAN VỀ SƠN HÀ

THÔNG TIN CHUNG



Mã cổ phiếu: **SHI**



Vốn điều lệ
914.259.270.000 đồng

 **SONHA**

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ
Tên tiếng Anh: SONHA INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: SONHA.CORP

- Trụ sở chính: Số 2, Phố Thanh Lâm, Phường Minh Khai
Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Hội sở: Tầng 13, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường
Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: +84-24-62656566
- Fax: +84-24-62656588
- Website: <http://www.sonha.com.vn>



TẦM NHÌN

Phát triển thành Tập đoàn kinh tế đa ngành, có vị thế hàng đầu khu vực, được tôn trọng trên trường quốc tế.



SỨ MỆNH

Không ngừng đổi mới, sáng tạo, tiên phong sản xuất, cung cấp các sản phẩm và dịch vụ chất lượng, thân thiện với môi trường vì cuộc sống tốt đẹp hơn cho mỗi người và sự phát triển bền vững của xã hội.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tiên – Tín – Tốc – Trí – Tâm

- ◆ **Tiên:** Tiên phong dẫn đầu, hăng hái, tích cực, đi trước, đặt tinh thần xung phong, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm lên vị trí hàng đầu, làm tiền đề cho mọi hoạt động.
- ◆ **Tín:** Luôn nhất quán trong các cam kết, hướng tới sự phát triển bền vững, đạt được sự hài lòng cao nhất của khách hàng và đối tác. Coi chữ Tín là danh dự của chính mình.
- ◆ **Tốc:** Thích ứng nhanh với mọi sự thay đổi, đề cao chữ "Tốc" trong việc ra quyết định, thực thi xuất sắc và tôn trọng kỷ luật. Lấy tốc độ và kết quả làm tôn chỉ hành động.
- ◆ **Trí:** Đề cao tinh thần nghĩ mới, làm mới, tư duy tích cực, chủ động cải tiến và làm chủ công nghệ, xây dựng tổ chức học tập, tự học hỏi, khát vọng lớn mạnh, quy tụ những con người tinh hoa, nơi mỗi thành viên đều là các nhân tố xuất sắc trong lĩnh vực công việc của mình.
- ◆ **Tâm:** Coi trọng khách hàng và luôn lấy khách hàng làm trọng tâm, cam kết với sứ mệnh nâng cao chất lượng cuộc sống và sự phát triển bền vững của xã hội, xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa nội bộ với bên ngoài, hướng đến môi trường làm.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

THÀNH LẬP

Tập đoàn Sơn Hà được thành lập năm 1998 với tên Công ty TNHH Cơ Kim Khí Sơn Hà theo Giấy phép đăng ký kinh doanh ngày 17/11/1998 của UBND thành phố Hà Nội.

BƯỚC CHÂN VÀO THỊ TRƯỜNG EU VÀ MỸ

Xuất khẩu ống thép Inox Sơn Hà vào thị trường Mỹ. Đây là dấu mốc quan trọng đánh dấu Sơn Hà phát triển ngành sản xuất Công nghiệp, ống inox Sơn Hà là thương hiệu duy nhất tại Việt Nam đạt chứng chỉ PED để đủ phẩm chất đi vào những thị trường khó tính như EU và Mỹ.

MUA 75% CỔ PHẦN VINACONEX PLAZA

Mua 75% cổ phần của Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh Thương mại Vinaconex (Vinaconex Plaza).

THÀNH CÔNG TIẾN VÀO ẤN ĐỘ

Chính thức vào thị trường Ấn Độ, trở thành thương hiệu ống thép công nghiệp số 1 tại thị trường Ấn Độ với hơn 1 tỷ dân, chiếm thị phần lớn nhất nhà nhập khẩu ống thép vào Ấn Độ. Mở rộng mạng lưới chi nhánh lên hơn 40 chi nhánh, tăng vốn điều lệ lên 547 tỷ đồng.

TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tái cấu trúc doanh nghiệp với công ty mẹ và 13 công ty thành viên; Thực hiện thành công thương vụ M&A thu mua Trường Tuyền thương hiệu lớn có uy tín trong ngành sản xuất bồn chứa nước inox, góp phần mở rộng quy mô sản xuất và hệ thống phân phối; Xây dựng nhà máy ở Myanmar. Xuất khẩu tới 32 quốc gia và vùng lãnh thổ.

TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG XANH

Hợp tác cùng các đối tác Nhật Bản và Hàn Quốc, chuyển giao công nghệ xử lý nước sạch và nước thải tiên tiến. Kí kết cùng EVN Hà Nội, phát triển và lắp đặt thành công hệ thống sản phẩm điện mặt trời áp mái (free-solar) tại nhiều công trình với mức công suất đạt gần 30kw/công trình. Kí thỏa thuận hợp tác chiến lược với Tập đoàn Watrec – Thụy Sĩ về phát triển Biogas – sản phẩm giúp biến rác thải thành năng lượng.



CHUYỂN ĐỔI MÔ HÌNH CÔNG TY

Chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Nhà máy sản xuất ống thép Inox Sơn Hà với diện tích 45.000m² (khu công nghiệp Phùng, Đan Phượng) hoàn thành và đi vào hoạt động.

TRỞ THÀNH CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Sơn Hà trở thành công ty đại chúng, chính thức niêm yết 15 triệu cổ phiếu tại Sở GDCK TP. Hồ Chí Minh với mã SHI; Vốn điều lệ đăng ký 150 tỷ đồng..

MỞ RỘNG XUẤT KHẨU

Mở rộng xuất khẩu đến 20 quốc gia trên thế giới như: Hoa Kỳ, Bra-xin, Ác-hen-ti-na, Mê-hi-cô, Sing-ga-po...

MỞ RỘNG HỆ THỐNG CÁC NHÀ MÁY

Khai trương nhà máy Sơn Hà Nghệ An; Thành lập Công ty TNHH MTV Logistics Sơn Hà, ra mắt sản phẩm Bình nước nóng SHI, khởi công nhà máy Sơn Hà Bắc Ninh.

ĐẦU TƯ CÁC NGÀNH KINH DOANH MỚI

Hoàn tất đầu tư Toàn Mỹ - thương hiệu bồn nước cao cấp và lâu đời nhất của VN.
 - Bùng nổ các ngành sản xuất và kinh doanh mới có tính bước ngoặt:
 - Sơn Hà đầu tư vào Vận tải và phát triển nông sản với liên doanh Sơn Hà - Thiên Nguyên.
 - Kí kết hợp tác với tập đoàn quốc tế Nagaoka - phát triển công nghệ Chemiless, xử lý nước ngầm không dùng hoá chất tiêu chuẩn Nhật Bản quy mô đô thị và công nghiệp.
 - Kí kết hợp tác với tập đoàn Kyoritsu Nhật Bản - phát triển hệ thống xử lý nước thải Jokasou quy mô đô thị và công nghiệp.

TÁI CƠ CẤU MÔ HÌNH TỔ CHỨC, SỞ HỮU VÀ NHÂN SỰ

Tổ chức công ty mẹ theo mô hình holding. Tái cơ cấu sở hữu theo ngành. Tái tổ chức phòng ban chuyên môn theo mô hình trực tuyến-chức năng, điều chỉnh và tuyển dụng nhân sự theo mô hình mới. Đột phá trong phát triển ngành năng lượng (tái tạo) với thương hiệu Free-solar. Vượt qua đại dịch và thiên tai với kết quả kinh doanh vượt kế hoạch và vị thế không ngừng được nâng cao.

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng



Thương hiệu Quốc gia



Hàng Việt Nam chất lượng cao

- ✓ Huân chương lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng
- ✓ Đạt Thương hiệu Quốc gia trong nhiều năm liên tiếp
- ✓ Hàng Việt Nam chất lượng cao
- ✓ Giải Vàng chất lượng Quốc gia
- ✓ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- ✓ Top 10 Sao Vàng Đất Việt
- ✓ Doanh nghiệp tiên phong ứng dụng công nghệ số
- ✓ Chứng nhận PED của Tổ chức Quốc tế TUV
- ✓ Top 1 Hàng Việt Nam được người tiêu dùng yêu thích
- ✓ CSI 2018
- ✓ Chứng nhận CE



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



01

NGÀNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
SẢN PHẨM GIA DỤNG, ĐIỆN GIA DỤNG



02

NGÀNH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP



03

NGÀNH PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG SẠCH



04

NGÀNH CUNG CẤP NƯỚC SẠCH
VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI



05

NGÀNH HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP
VÀ BẤT ĐỘNG SẢN



01

SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM GIA DỤNG, ĐIỆN GIA DỤNG

Sản xuất và kinh doanh sản phẩm gia dụng, điện gia dụng là một trong những ngành nghề chủ lực, góp phần khẳng định vị thế thương hiệu của Sơn Hà trên thị trường. Trong suốt quá trình hoạt động, Tập đoàn luôn không ngừng đổi mới, chú trọng đầu tư hệ thống dây chuyền công nghệ tiên tiến nhất để ngày càng hoàn thiện chất lượng sản phẩm – mang lại những giá trị hoàn hảo nhất cho các gia đình Việt.



Bồn chứa nước inox



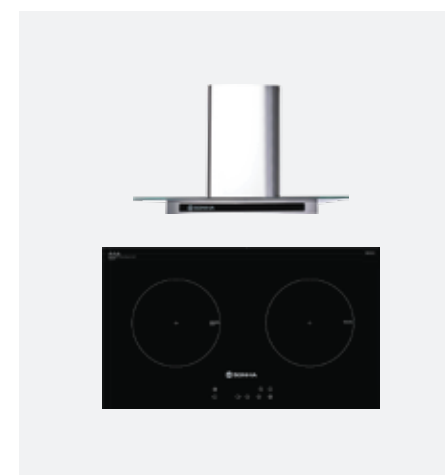
Bồn chứa nước nhựa



Bình nước nóng



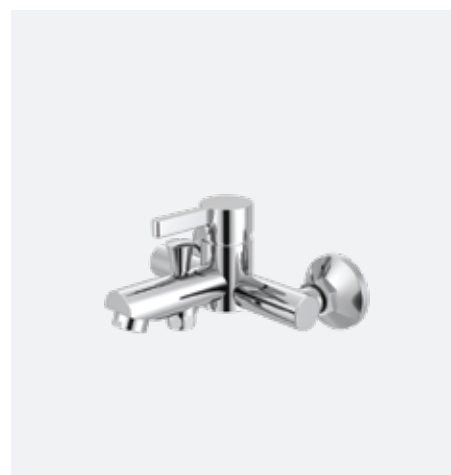
Điều hòa



Máy hút mùi & Bếp từ | Bếp gas



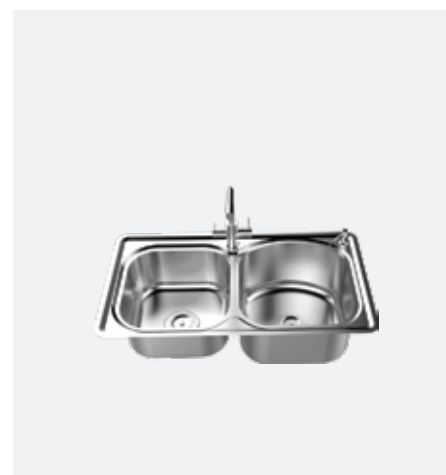
Nồi cơm điện



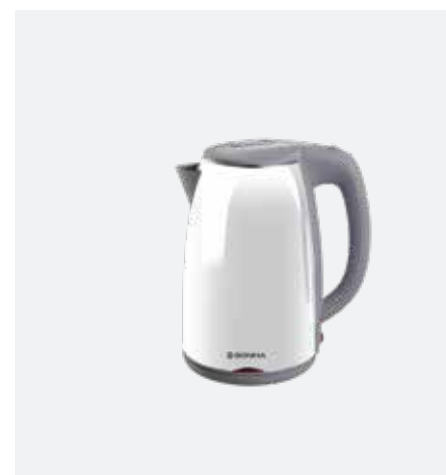
Sen vòi



Máy lọc nước & Cây nước nóng lạnh



Chậu rửa inox



Ấm siêu tốc



Máy xay sinh tố



Bể chứa nước ngầm

02 SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP

Xác định sản xuất và kinh doanh sản phẩm công nghiệp là lĩnh vực mang lại tăng trưởng vượt bậc cho Tập đoàn. Sơn Hà không chỉ chú trọng đầu tư về dây chuyền công nghệ mà còn kiểm soát quy trình sản xuất một cách chặt chẽ theo chuẩn quốc tế. Luôn cam kết về chất lượng và dịch vụ, hệ thống sản phẩm công nghiệp của Sơn Hà đã và đang trở thành người bạn đồng hành bền vững của nhiều công trình lớn trong và ngoài nước.



Ống, hộp inox trang trí, công nghiệp

Ống inox Sơn Hà được sản xuất trên dây chuyền công nghệ tiên tiến, đáp ứng tiêu chuẩn ASTM (Mỹ) và tiêu chuẩn châu Âu DIN EN10217-7, JIS-Nhật Bản.



Thái dương năng dàn tổng

Thái dương năng dàn tổng kết hợp Heatpump là giải pháp cung cấp nước nóng, tiết kiệm điện thông minh cho các công trình lớn.



Bể lắp ghép công nghiệp

Nhờ sự đa dạng về dung tích, dễ dàng lắp đặt, vệ sinh, bể inox lắp ghép Sơn Hà có thể phục vụ các công trình công nghiệp yêu cầu dung tích lớn.

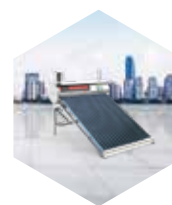


Bồn nước inox lắp ghép GRP

Bồn nước lắp ghép GRP Sơn Hà được lắp ghép từ các tấm vật liệu Polyeste cường lực sợi thủy tinh (GRP) có độ bền cao và đa dạng về dung tích.

03 PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG SẠCH

Là đơn vị đầu tiên ứng dụng và phát triển dòng sản phẩm máy nước nóng năng lượng mặt trời tại Việt Nam, Sơn Hà đã tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu trong các doanh nghiệp phát triển năng lượng sạch của Việt Nam bằng việc không ngừng trao đổi, cập nhật, hợp tác với các đối tác hàng đầu trong ngành đến từ Đức, Thụy Sĩ...



Thái dương năng



Điện mặt trời áp mái
FRESOLAR



Xe máy điện
EVgo.vn



Biogas



04

CUNG CẤP NƯỚC SẠCH VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Đứng trước bối cảnh nguồn nước đang ngày càng bị ô nhiễm nặng nề, Tập đoàn Sơn Hà tự hào là một trong những doanh nghiệp tiên phong trong lĩnh vực cung cấp nước sạch và xử lý nước thải tại Việt Nam. Bằng các hình thức đầu tư vốn hoặc M&A, hợp tác với các tập đoàn uy tín từ Nhật Bản và Hàn Quốc để phát triển công nghệ hàng đầu thế giới, Sơn Hà đã và đang mang lại những giải pháp cung cấp nước sạch và xử lý nước thải hiệu quả cho các doanh nghiệp và gia đình Việt.



Bồn tự hoại Septic Sơn Hà

Septic được thiết kế đặc biệt giúp chứa và lọc nước thải một cách thông minh. Sản phẩm được sản xuất từ vật liệu nhựa siêu bền, không lo nứt vỡ.



Hệ thống xử lý nước thải Jokaso

Công nghệ xử lý nước thải tại nguồn - Jokaso có hiệu quả xử lý cao, nước thải đầu ra đảm bảo tiêu chuẩn Nhật Bản, tuổi thọ cao, dễ dàng lắp đặt và không gây ô nhiễm môi trường.



Hệ thống xử lý nước thải GJR- GJS

Chuyển giao công nghệ của thành phố Gyeongju (Hàn Quốc): xử lý nhanh nước thải (GJ-R) và lọc nước bằng phun tách (GJ-S)



Hệ thống xử lý nước ngầm Chemiles

Công nghệ Chemiles không sử dụng hóa chất, có khả năng xử lý đồng thời nguồn nước ngầm nhiễm sắt, mangan, amoni và asen. Nguồn nước đầu ra sau khi lọc qua cấp lọc Chemiles đáp ứng được tiêu chuẩn nước sạch của Bộ Y tế.



Hệ thống bể lắng Lamella

Các nhà máy nước sạch do Sơn Hà đầu tư đảm bảo tiêu chuẩn, góp phần giải quyết vấn đề thiếu nước sạch cho Hà Nội và các tỉnh.



Hệ thống lọc trọng lực tự rửa

Lọc nước tổng Sơn Hà Eurofil là thiết bị lọc nước tổng cho toàn bộ ngôi nhà, dựa trên công nghệ màng siêu lọc sợi rỗng UF của Pháp.

05

HẠ TẦNG CÔNG NGHIỆP VÀ BẤT ĐỘNG SẢN

Khu công nghiệp Tam Dương

- Vị trí địa lý: Xã Hướng Đạo, xã Đạo Tú và thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Tổng diện tích quy hoạch: 162,33 ha.
- Cách trung tâm TP Hà Nội 60 km
- Nằm trên trục Quốc lộ 2a, 2b, 2c, 23, trong hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh
- Cách tuyến cao tốc quốc gia Hà Nội - Lào Cai 2km
- Gần trục Quốc lộ 2, giáp với đường Xuyên Á (Hà Nội - Lào Cai đi tỉnh Công Minh, Trung Quốc)



QUY MÔ THỊ TRƯỜNG

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà cung cấp các sản phẩm chất lượng tới người tiêu dùng cả nước và xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới.

Nhà máy ở trong nước

TT	Nhà máy Sơn Hà	Địa chỉ
1	Nhà máy Sơn Hà Diễn	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, TP Hà Nội
2	Nhà máy Sơn Hà Phùng	KCN Phùng, Đan Phượng, TP Hà Nội
3	Nhà máy Sơn Hà Bắc Ninh 1	Lô Cn 07.2 Khu CN đô thị Thuận Thành 2, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh
4	Nhà máy Sơn Hà Bắc Ninh 2	Lô Cn 08, Khu CN đô thị Thuận Thành 2, xã Mão Điền, huyện Thuận Thành, Bắc Ninh
5	Nhà máy Sơn Hà Nghệ An	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, Nghệ An
6	Nhà máy Sơn Hà Quảng Nam	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, Quảng Nam
7	Nhà máy Sơn Hà (Toàn Mỹ) Cần Thơ	Đường số 9, Khu Công nghiệp Trà Nóc, thành phố Cần Thơ
8	Nhà máy Sơn Hà (Toàn Mỹ) Bình Dương	Khu phố Hoà Lân 1, TX Thuận An, phường Thuận Giao, Bình Dương

20.000

Điểm phân phối

Theo nhận diện mới của Sơn Hà

80

Nhà phân phối

Trải dài khắp các tỉnh thành

120

Chi nhánh

Nhà máy ở nước ngoài

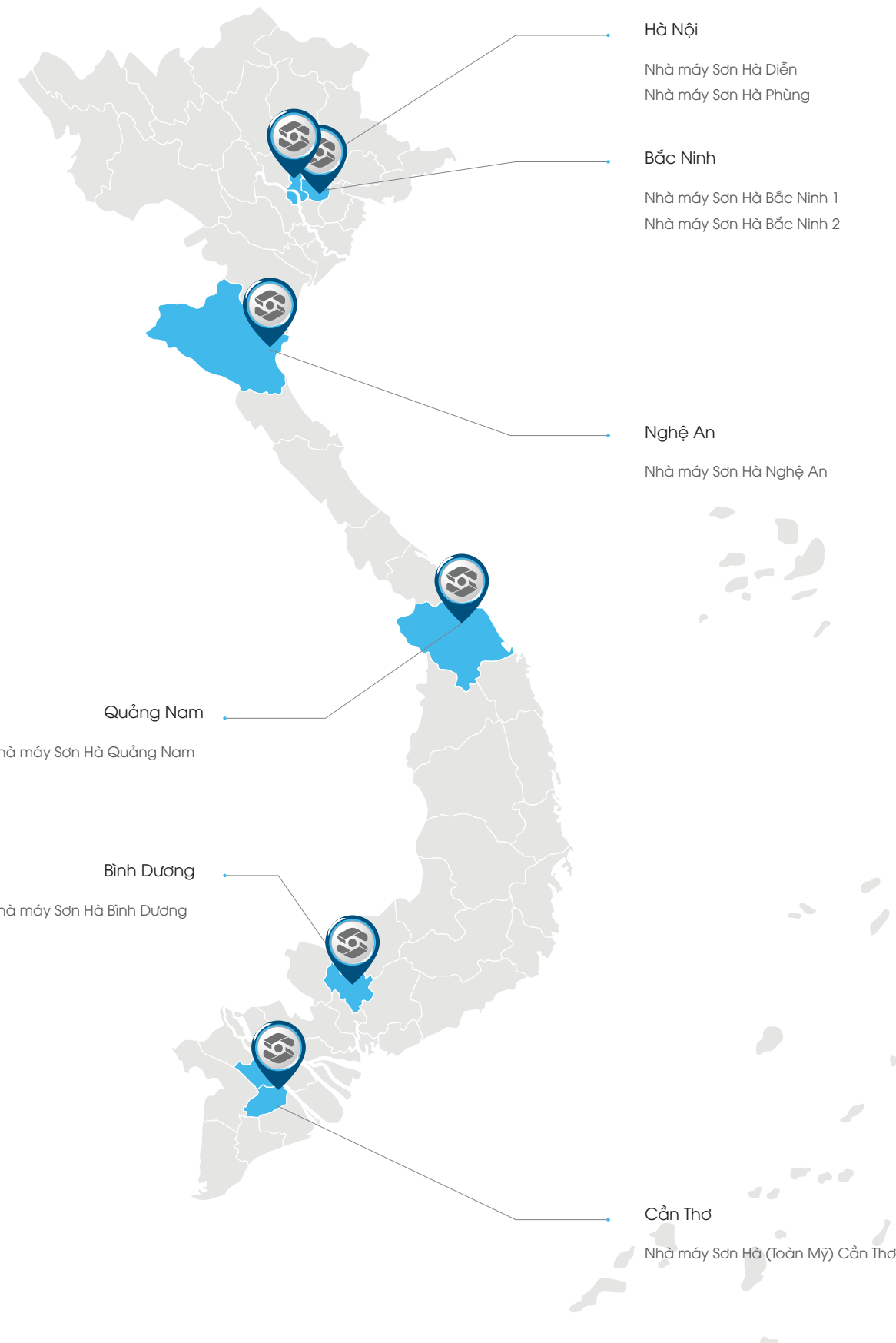
Không chỉ khẳng định vị trí trong nước, Sơn Hà còn vươn mình ra thế giới với những thành tích đáng tự hào:



1 nhà máy sản xuất
tại Myanmar



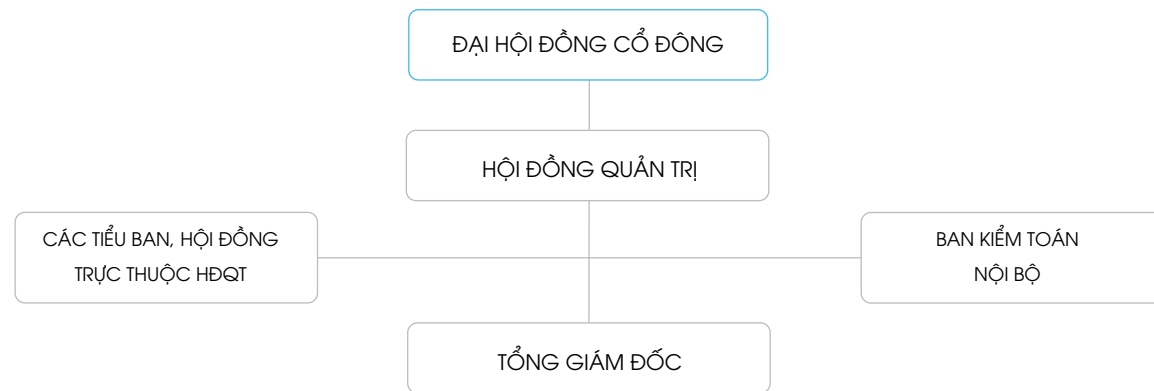
Xuất khẩu tới 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới và được đón nhận tại nhiều thị trường khó tính bậc nhất như Bắc Âu, Mỹ, Canada...



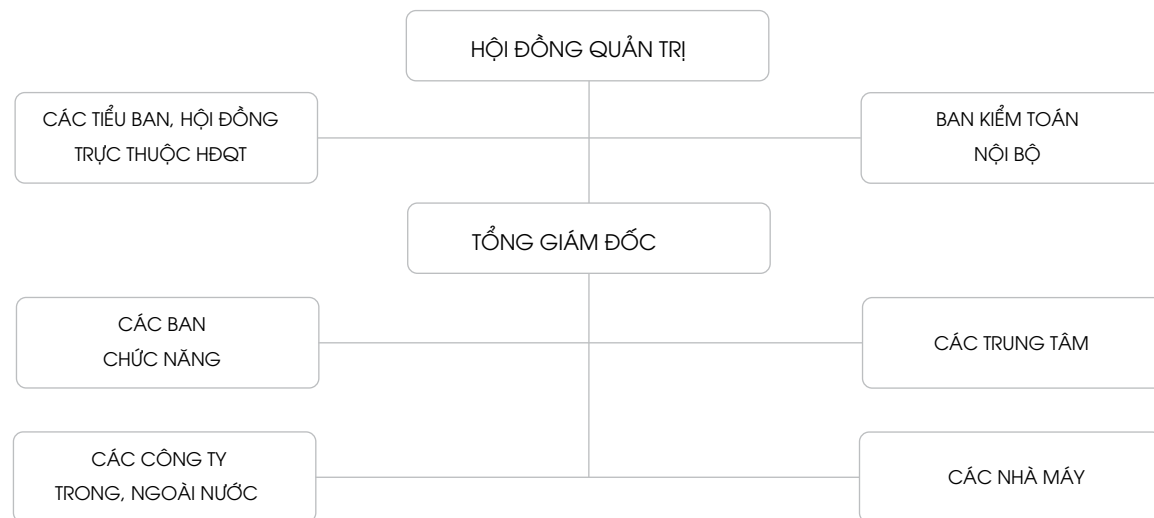
TỔ CHỨC BỘ MÁY

Mô hình hoạt động của Công ty theo quy định tại điều 137 Luật doanh nghiệp cụ thể:

01 MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



02 MÔ HÌNH TỔ CHỨC BỘ MÁY



03 QUY MÔ TẬP ĐOÀN

TT	TIÊU CHÍ	GIÁ TRỊ
1	Tổng tài sản (tỷ đồng)	4.504
2	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	1.323
3	Doanh thu (tỷ đồng)	5.360
4	Số lượng công ty con trực tiếp	11
5	Số lượng công ty con gián tiếp	7

TT	TIÊU CHÍ	GIÁ TRỊ
6	Số lượng các công ty liên kết	2
7	Số lượng công ty liên doanh	0
8	Tổng số lao động (đến 31/12/2020)	1825
9	Tổng số chi nhánh (của công ty mẹ)	44
10	Tổng số nhà máy	9

04 CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON TRỰC TIẾP

TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	% SỞ HỮU
1	Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%
3	Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyển	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất, dịch vụ	100%
4	Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất các sản phẩm gia dụng	51%
5	Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%
6	Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Quản lý và phát triển dự án	69%
7	Sonha Myanmar International Limited (*)	No.33/B Damaryone Street, Ward No.15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52.5%
8	Công ty CP Tổng công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%
9	Công ty CP Công nghệ Xử lý Nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	60%
10	Công ty CP Điện mặt trời Sơn Hà Free Solar	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	90%
11	Công ty TNHH Quản lý vận hành & Kinh doanh nước sạch Sơn Hà SHWater	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100%

04 CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

CÔNG TY CON GIẢN TIẾP

TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	% SỞ HỮU
11	Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%
12	Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%
13	Công ty CP thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Lô CN08, khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%
14	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển Sơn Hà Vinh	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%
15	Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng gia dụng và công nghiệp	74,34%
16	Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%
17	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%

CÔNG TY LIÊN KẾT

TT	TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	% SỞ HỮU
18	Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Số 8 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội	Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử, cho thuê mặt bằng kinh doanh	20,14%
19	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10 đường Lê Đại Hành, phường Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,10%



BAN LÃNH ĐẠO

01 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG LÊ VĨNH SƠN

Chủ tịch HĐQT

(Tái bổ nhiệm từ ngày 03/05/2018)

Ông Lê Vĩnh Sơn là người sáng lập Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà từ những ngày đầu tiên. Ngoài chức vụ công tác hiện nay là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty, ông còn là đại biểu HĐND Thành phố Hà Nội khóa XV nhiệm kỳ 2016 – 2021; Phó chủ tịch Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam – Thành phố Hà Nội; Chủ tịch Chuyên đề Năng lượng sạch của Diễn đàn Kinh tế tư nhân Việt Nam.



BÀ TRẦN KIM DUNG

Phó Chủ tịch HĐQT

(Bổ nhiệm từ ngày 29/07/2016)

Bà Trần Kim Dung là người giàu kinh nghiệm trong quản lý, từng giữ vị trí quan trọng tại bệnh viện VietSing, từng là Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần KDG Quốc tế. Gia nhập Sơn Hà ở vị trí Phó Tổng Giám đốc, hiện bà đang giữ vị trí thành viên Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty.



ÔNG NGUYỄN VIẾT HÀ

Thành viên HĐQT

(Bổ nhiệm từ ngày 01/03/2019)

Ông Nguyễn Viết Hà đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý trong các Công ty đa quốc gia như Piaggio, Coca – Cola, Honda... Gia nhập Sơn Hà ở vị trí Phó Tổng Giám đốc, năm 2019, ông được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.



ÔNG NHỮ VĂN HOAN

Ủy viên HĐQT

(Bổ nhiệm từ ngày 18/06/2020)

Ông Nhữ Văn Hoan có gần 20 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý tại các tổ chức, công ty lớn như: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Đầu tư Tập đoàn Ngôi Sao (Tập đoàn quản lý sân Golf Ngôi sao Chí Linh; sân golf Ngôi sao Đại Lải), Tổng Giám đốc FLC Biscorn, thành viên HĐQT FLC Homes...



ÔNG NGUYỄN VĂN DŨNG

Thành viên độc lập HĐQT

(Bổ nhiệm từ ngày 18/06/2020)

Ông Nguyễn Văn Dũng có nhiều năm kinh nghiệm trong Ngành Nước; từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Nhà máy nước Hòa Bình, Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc Công ty TNHH MTV nước sạch Hà Đông. Hiện nay, ông vừa là thành viên độc lập HĐQT vừa giữ chức vụ Hàm Phó TGD phụ trách Ngành nước Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.



ÔNG KIỀU ĐỨC LÂM

Thành viên độc lập HĐQT

(Bổ nhiệm từ ngày 18/06/2020)

Ông Kiều Đức Lâm từng đảm nhiệm nhiều chức vụ: Giảng viên Trường Đại học Kinh tế Kế hoạch (nay là Đại học Kinh tế quốc dân), Trưởng phòng Kế toán Sở Lương thực Sơn La, Chánh Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT Sơn La, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Sơn La, Trưởng ban Tuyên giáo tỉnh ủy Sơn La, Hàm Phó TGD cố vấn Chủ tịch HĐQT Vietinbank, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Công nghệ cao môi trường Tân Phát, Phó Chủ tịch Công ty Cổ phần Tập đoàn Trường Tiền. Hiện ông là thành viên HĐQT độc lập, thành viên Ban Chiến lược Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà.

BAN LÃNH ĐẠO

02 THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ÔNG NGUYỄN VIẾT HÀ
Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm từ ngày
01/03/2019)

Trình độ: Kỹ sư cơ khí động lực - Đại học Nông nghiệp
Praha Tiệp Khắc

Ông Nguyễn Viết Hà giữ chức vụ Tổng Giám đốc phụ trách điều hành chung và trực tiếp chịu trách nhiệm về lĩnh vực kinh doanh nội địa; Công nghệ sản xuất và quản lý chất lượng; Xây dựng cơ bản; Nghiên cứu và phát triển ngành Gia dụng của Tập đoàn.



ÔNG NHỮ VĂN HOAN
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

(Bổ nhiệm từ ngày
15/11/2019)

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh - Đại học Andrews

Ông Nhữ Văn Hoan thay mặt Tổng Giám đốc giải quyết các công việc phát sinh của Tập đoàn khi Tổng Giám đốc vắng mặt, trực tiếp quản lý, điều hành lĩnh vực Tài chính - Kế toán, Đầu tư, Hành chính - Nhân sự, Truyền thông và kinh doanh Ngành mới của Tập đoàn.



BÀ HOÀNG THỊ THU HẰNG
Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm từ ngày
02/04/2021)

Trình độ: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Học viện Quản trị Kinh doanh, Vương Quốc Bỉ.

Bà Hoàng Thị Thu Hằng có gần 25 năm kinh nghiệm quản lý và điều hành trong lĩnh vực kế toán tài chính và đầu tư. Với hơn 10 năm đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính, Phó Tổng Giám đốc, Quyền Tổng Giám đốc tại các Quỹ đầu tư và các Tập đoàn BĐS lớn như: Phó Tổng Giám đốc MIK Group, Quyền Tổng Giám đốc kiêm CFO Tập đoàn Ocean Hospitality Group, Phó Giám đốc Khối Tài chính Kế toán - Tập đoàn Sun Group...



ÔNG PHẠM THẾ HÙNG
Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm 19/03/2020
Miễn nhiệm 02/04/2021)

Trình độ: Cử nhân kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân

Ông Phạm Thế Hùng tốt nghiệp Cử nhân kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân. Ông đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý các công ty, tổ chức lớn như: Coca-Cola, Bluescope Building, FPT, Tập đoàn Vitto ...



ÔNG ĐÀO NAM PHONG
Phó Tổng Giám đốc

(Bổ nhiệm 07/09/2020)

Trình độ: Cử nhân kinh tế - Đại học Kinh tế quốc dân

Ông Đào Nam Phong là cử nhân Kinh tế Đối ngoại, Trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội. Ông từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Unimex (Tập đoàn T&T), Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn FLC, Giám đốc Thương mại tại Công ty Cổ phần rượu Hà Nội, Tr� lý Tổng Giám đốc công ty M-Trading (Tập đoàn đầu tư VID), Phó Giám đốc Tập đoàn Prime....



ÔNG ĐỖ THÀNH TÂM
Phó Tổng giám đốc

(Bổ nhiệm từ ngày 14/07/2020)

Là Thạc sĩ kinh tế ông Đỗ Thành Tâm đã có nhiều năm kinh nghiệm quản lý các công ty, tổ chức lớn như: GD Kinh doanh & GD quản lý chuỗi cung ứng Công ty TNHH tinh luyện Núi Pháo & Công ty TNHH khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo; Giám đốc điều hành Công ty CP Dầu khí Dung Quất...



ÔNG NGUYỄN VĂN LƯƠNG
Phó Tổng giám đốc

(Bổ nhiệm từ ngày 14/07/2020)

Ông Nguyễn Văn Lương thực hiện phụ trách: Kinh doanh sản phẩm ngành gia dụng các vùng 1,2,3 của Tập đoàn; Phụ trách kinh doanh sản phẩm bình nước nóng toàn quốc; Phụ trách kinh doanh đồ gia dụng toàn quốc (bếp, hút mùi, nồi cơm điện, điều hòa, các thiết bị điện gia dụng và điện lạnh khác...).

CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN



Quản trị mục tiêu lợi nhuận thông qua các chỉ tiêu Doanh số, Tiến độ và Chi phí

- ✓ Chủ động, linh hoạt với chỉ tiêu doanh số
- ✓ Quản lý tốt tiến độ
- ✓ Quản lý chặt chẽ chi phí



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ✓ Tiếp tục kế hoạch tái cơ cấu
- Tạo đột phá đối với những ngành tiềm năng đã tiến hành
- ✓ đầu tư như cung cấp nước, năng lượng tái tạo và đặc biệt là bất động sản công nghiệp.
- ✓ Mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực sản xuất
- Tăng cường công tác giám sát thông qua hoạt động
- ✓ kiểm toán và kiểm soát nội bộ, giảm rủi ro về tài chính và hoạt động



Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- ✓ Phát triển các sản phẩm có hiệu năng cao, thân thiện với môi trường phù hợp với nhu cầu và khả năng của người tiêu dùng
- ✓ Ứng dụng tiến bộ công nghệ thân thiện với môi trường trong quá trình sản xuất.
- Tạo lập môi trường sản xuất, kinh doanh năng động, thúc đẩy
- ✓ phát triển năng lực cá nhân và tương tác giữa các cá nhân để hình thành đội ngũ lao động có chuyên môn vững, tinh thần hợp tác.
- ✓ Nâng cao và hài hòa lợi ích giữa các bên có lợi ích liên quan.
- ✓ Xây dựng mô hình doanh nghiệp hoạt động hiệu quả về mặt kinh tế, có trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.



PHẦN III

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH NĂM 2020

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2020

01 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TT	CHỈ TIÊU	2020	2019
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.360,1	4.807,1
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	125,8	139,9
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	89,5	105,7
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	484	1066
5	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4.504,8	4.061,2
5.1	Tài sản ngắn hạn	3.424,7	2.992,5
	Phải thu ngắn hạn	1.880,9	1.615,0
	Hàng tồn kho	1.053,2	1.050,8
5.2	Tài sản dài hạn	1.080,1	1.068,7
6	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4.504,8	4.061,2
6.1	Nợ phải trả	3.182,1	2.786,5
	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.020,0	1.969,9
	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	211,3	227,2
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.322,7	1.274,7
	<i>Trong đó: lợi ích của cổ đông không kiểm soát</i>	<i>241,7</i>	<i>186,2</i>
7	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	252,8	(209,8)
8	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(138,9)	(91,9)
9	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(29,2)	263,6
10	Tiền và tương đương tiền cuối năm	227,1	142,4



02 ĐÁNH GIÁ CHUNG

- ▶ Chỉ tiêu doanh thu thuần hợp tăng so với cùng kỳ năm trước theo tỉ lệ là 11,5%.
- ▶ Tổng tài sản tăng, tỉ lệ nợ/vốn chủ sở hữu tăng so với năm trước theo tỉ lệ tương ứng là 10,9% và 10,1%. Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính dương hoạt động đầu tư âm.
- ▶ Doanh thu hợp nhất tăng đạt mức 5.360,1 tỷ đồng so với 4.807,1 tỷ đồng 2019.
- ▶ Lợi nhuận hợp nhất sau thuế giảm ở mức 89,5 tỷ đồng so với 105,7 tỷ đồng năm 2019.
- ▶ Tổng tài sản: tăng 10,9% đạt mức 4.504,8 tỷ đồng so với 4.061,2 tỷ đồng năm 2019.
- ▶ Nợ phải trả tăng 14,2% đạt mức 3.182,1 tỷ đồng so với mức 2.786,5 tỷ đồng năm 2019.
- ▶ Vốn chủ sở hữu tăng 3,8% lên mức 1.322,7 tỷ đồng so với mức 1.274,7 tỷ đồng năm 2018.
- ▶ Phải thu ngắn hạn của khách hàng: tăng 16,5% lên mức 1.880,9 tỷ đồng so với mức 1.615,0 tỷ đồng năm 2019.
- ▶ Hàng tồn kho: tăng 0,2% lên mức 1.053,2 tỷ đồng so với mức 1.050,8 tỷ đồng năm 2019.

03 NHỮNG CẢI TIẾN TRONG CƠ CẤU, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm tiếp tục điều chỉnh mô hình công ty mẹ công ty con mà trong đó Công ty CP Quốc tế Sơn Hà đóng vai trò là công ty mẹ. Song song với xác định mô hình tổ chức, các chính sách quản lý cũng thay đổi qua việc phân quyền ở các bộ phận chức năng của công ty mẹ và công ty thành viên, xác lập mối quan hệ giữa bộ phận chức năng của công ty mẹ với các công ty con cũng như quyền hạn, nhiệm vụ của từng vị trí trong các bộ phận chức năng.

04 BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH 2020

Trong năm 2020, một số các khoản đầu tư lớn của công ty được thực hiện như sau:

KHOẢN MỤC	SỐ TIỀN	NỘI DUNG
Mua sắm TSCĐ	24,2	Mua sắm mới TSCĐ
Đầu tư XDCB	155,3	Chi phí XDCB dở dang phát sinh trong kỳ



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN
1	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.360.118.267.509
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	125.802.994.753
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	89.506.808.314
	<i>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</i>	<i>44.059.698.428</i>
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	484
5	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (31/12/2020)	4.504.778.128.346
5.1	Tài sản ngắn hạn	3.424.719.897.446
5.2	Tài sản dài hạn	1.080.058.230.900
6	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (31/12/2020)	4.504.778.128.346
6.1	Nợ phải trả	3.182.048.296.531
6.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.322.729.831.815

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020 SO VỚI NĂM 2019

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019	SO SÁNH VỚI DOANH THU THUẦN		SO SÁNH TĂNG (GIẢM) CỦA 2020 - 2019	
				GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.562.192.633.629	5.009.897.373.159			552.295.260.470	11,0%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	202.074.366.120	202.801.267.709			(726.901.589)	-0,4%
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.360.118.267.509	4.807.096.105.450	100%	100%	553.022.162.059	11,5%
4	Giá vốn hàng bán	4.646.185.663.131	4.124.748.678.221	86,68%	85,81%	521.436.984.910	12,6%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	713.932.604.378	682.347.427.229	13,32%	14,19%	31.585.177.149	4,6%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	24.319.207.367	14.656.940.568			9.662.266.799	65,9%
7	Chi phí tài chính	178.306.004.101	144.335.404.061			33.970.600.040	23,5%
	Trong đó: chi phí lãi vay	155.472.537.037	134.075.712.491			21.396.824.546	16,0%
8	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	376.052.028	(1.895.490.669)			2.271.542.697	-119,8%
9	Chi phí bán hàng	291.082.539.110	295.606.442.542	5,43%	6,15%	(4.523.903.432)	-1,5%
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	144.868.999.019	121.871.055.196	2,70%	2,54%	22.997.943.823	18,9%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	124.370.321.543	133.295.975.329	2,32%	2,77%	(8.925.653.786)	-6,7%
12	Thu nhập khác	11.995.139.235	13.692.138.955			(1.696.999.720)	-12,4%
13	Chi phí khác	10.562.466.025	7.059.428.928			3.503.037.097	49,6%
14	Lợi nhuận khác	1.432.673.210	6.632.710.027			(5.200.036.817)	-78,4%

TT	CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2019	SO SÁNH VỚI DOANH THU THUẦN		SO SÁNH TĂNG (GIẢM) CỦA 2020 - 2019	
				GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %	GIÁ TRỊ	TỶ LỆ %
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	125.802.994.753	139.928.685.356	2,35%	2,91%	(14.125.690.603)	-10,1%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	36.296.186.439	34.180.335.974			2.115.850.465	6,2%
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-			-	0,0%
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	89.506.808.314	105.748.349.382	1,67%	2,20%	(16.241.541.068)	-15,4%
19	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	44.059.698.428	98.956.178.833			(54.896.480.405)	-55,5%
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	45.447.109.886	6.792.170.549			38.654.939.337	569,1%
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	482	1.116				
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	482	1.116				

Đánh giá:

- ▶ Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 tăng 11% so với năm 2019
- ▶ Tổng doanh thu thuần năm 2020 tăng 11,5% so với năm 2019
- ▶ Giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ của năm 2020 đều tăng so với năm 2019 lần lượt là 12,6% và 4,6%
- ▶ Doanh thu hoạt động tài chính của năm 2020 tăng 65,9% so với năm 2019



PHẦN IV
BÁO CÁO QUẢN TRỊ

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Triệu tập và tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên 2020
- Hợp và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2019, hàng quý năm 2020
- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2019
- Thông qua giao dịch với các bên liên quan
- Miễn nhiệm và bổ nhiệm người quản lý công ty
- Thực hiện các hoạt động giám sát khác thuộc thẩm quyền của HĐQT đối với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý
- Các công việc khác thuộc thẩm quyền của HĐQT



CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY	NỘI DUNG
1	06/2020/QĐ-HĐQT	10/01/2020	Miễn nhiệm chức danh Phó TGD đối với ông Đàm Quang Hùng
2	07/2020/QĐ-HĐQT	10/01/2020	Bổ nhiệm chức danh Phó TGD đối với ông Nguyễn Thanh Tùng
3	33/2020/QĐ-SH	30/01/2020	Bổ nhiệm chức danh Người phụ trách quản trị công ty đối với ông Nhữ Văn Hoan
4	03/2020/NQ-HĐQT	04/03/2020	Triệu tập họp ĐHCĐ thường niên năm 2020
5	06/2020/NQ-SH	19/03/2020	Bầu bà Trần Kim Dung làm Phó Chủ tịch HĐQT
6	08/2020/NQ-SH	19/03/2020	Bổ nhiệm ông Nhữ Văn Hoan làm Phó TGD thường trực và Ông Phạm Thế Hùng giữ chức vụ Phó TGD Kinh doanh
7	14/2020/NQ-SH	14/04/2020	Gia hạn thời gian tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2020
8	19/2020/NQ-SH	05/05/2020	Triệu tập họp ĐHCĐ thường niên 2020
9	21/2020/NQ-SH	12/06/2020	Bổ sung nội dung họp ĐHCĐ thường niên 2020
10	137/2020/QĐ-SH	01/07/2020	Bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy làm quyền trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
11	139/2020/QĐ-SH	14/07/2020	Bổ nhiệm ông Đỗ Thành Tâm giữ chức vụ Phó TGD
12	158/2020/QĐ-SH	07/09/2020	Bổ nhiệm ông Đào Nam Phong giữ chức vụ Phó TGD
13	30/2020/NQ-SH	29/09/2020	Triển khai phương án chia cổ tức 2019
14	32/2020/NQ-SH	20/10/2020	Điều chỉnh ngày đăng ký cuối cùng nhận cổ tức 2019
15	40/2020/NQ-SH	29/10/2020	Thoái vốn tại Công ty TNHH Wegen Energy Việt Nam
16	44/2020/NQ-SH	06/11/2020	Điều chỉnh ngày thanh toán cổ tức 2019 bằng tiền mặt
17	46/2020/NQ-SH	06/11/2020	Thay đổi vốn điều lệ sau khi chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu
18	48/2020/NQ-SH	09/11/2020	Điều chỉnh ngày thanh toán cổ tức 2019 bằng tiền mặt
19	219/2020/QĐ-SH	28/12/2020	Bổ nhiệm ông Nguyễn Tuấn Anh giữ chức vụ Trưởng ban Tài chính – Kế toán

HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT

- Trong thời gian hoạt động đến 19/06/2020, Ban Kiểm soát đã họp 02 lần để thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 trình ĐHCĐ thường niên năm 2020.
- Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Ban KTNB được thành lập từ ngày 19/06/2020. Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy được bổ nhiệm làm quyền trưởng ban.
- Ban KTNB hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty và Quy chế Tổ chức hoạt động của Ban KTNB do Hội đồng quản trị ban hành. Ban KTNB hoạt động dựa trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật, chấp hành nghiêm các quy định của nội bộ Công ty, độc lập, khách quan, trung thực và không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán và đánh giá.
- Kết hợp giữa việc kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh và giám sát việc tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHCĐ) năm 2020 của Hội đồng Quản trị (HQQT), Ban Tổng Giám đốc (BTGD).

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các hoạt động chủ yếu của Hội đồng quản trị trong năm 2019:

- Tiếp tục tái cơ cấu tổ chức hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, sắp xếp, cơ cấu lại chức năng các Phòng/Ban/Trung tâm trực thuộc công ty mẹ theo mô hình “trực tuyến – chức năng”. Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 2 quy chế:
 - Quy chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
 - Quy chế người đại diện của Sơn Hà tại doanh nghiệp khác
- Tái cơ cấu và quy hoạch phát triển đa ngành, góp vốn thành lập các công ty như:
 - Công ty SONHA
 - Công ty cổ phần Sơn Hà Wegen
 - Công ty Cổ phần Công nghệ xử lý nước và Môi trường
 - Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam
 - Viện Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ và Môi trường Sơn Hà
- Tăng vốn điều lệ lên hơn 870,8 tỷ đồng.
- Thực hiện phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2018 bằng tiền và cổ phiếu theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 đã phê duyệt.
- Hội đồng quản trị đã quyết định phân công công tác đối với các thành viên trong Ban TGD. Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số chức danh như Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Hội đồng quản trị đã phê duyệt Đề án Tái cấu trúc Sơn Hà giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tổ chức công ty mẹ SHI theo mô hình Holding Company.

- Thực hiện tái cơ cấu hệ thống các công ty con, đơn vị, dự án trực thuộc công ty mẹ, quy hoạch phát triển 6 khối ngành chính (gia dụng, công nghiệp, năng lượng, nước, hạ tầng khu công nghiệp và bất động sản, nội thất); Quy hoạch, phát triển khối thương mại dịch vụ hỗ trợ phát triển chuỗi sản xuất của công ty gồm logistic, kinh doanh thương mại, mua sắm tập trung, Viện nghiên cứu và các Trung tâm R&D.
- Theo Nghị quyết 13/2019/NQ-HĐQT ngày 26/12/2019, Hội đồng quản trị phê duyệt phương án Tái cấu trúc khối ngành gia dụng, lấy công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Toàn Mỹ làm hạt nhân và sắp xếp tổ chức lại các công ty thành viên cùng khối ngành. Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà góp vốn vào công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Toàn Mỹ thông qua việc chuyển toàn bộ vốn góp của Sơn Hà tại 03 công ty là:
 - Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An,
 - Công ty TNHH MTV Thiết bị gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh,
 - Công ty TNHH MTV Thiết bị nhà bếp Sơn Hà về công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Toàn Mỹ.
 Sau tái cấu trúc, 03 công ty này trở thành công ty con 100% sở hữu của công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Toàn Mỹ.

Đánh giá hoạt động đối với Ban Tổng giám đốc

Năm 2020, trên cơ sở định hướng chiến lược của HĐQT, Ban TGD đã quyết liệt trong chỉ đạo tổ chức lại doanh nghiệp và đã tiến hành tái cơ cấu mạnh mẽ và đã đạt được những kết quả rất quan trọng. Dưới đây là một số kết quả hoạt động theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty trong năm 2020 như sau:

- Về cơ cấu tài sản nguồn vốn (đơn vị tính: đồng)**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TÓM TẮT NĂM 2020

TT	NỘI DUNG	SỐ CUỐI KỲ (31/12/2020)	SỐ ĐẦU KỲ (01/01/2020)	SỐ CUỐI KỲ TỶ LỆ TRÊN TỔNG TS-NV	SỐ ĐẦU KỲ TỶ LỆ TRÊN TỔNG TS-NV
1	Tổng cộng tài sản	4.504.778.128.346	4.061.236.176.316		
1.1	Tài sản ngắn hạn	3.424.719.897.446	2.992.504.911.924	76,02%	73,68%
1.2	Tài sản dài hạn	1.080.058.230.900	1.068.731.264.392	23,98%	26,32%
2	Tổng cộng nguồn vốn	4.504.778.128.346	4.061.236.176.316		
2.1	Nợ phải trả	3.182.048.296.531	2.786.495.466.541	70,64%	68,61%
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu	1.322.729.831.815	1.274.740.709.775	29,36%	31,39%

- Cơ cấu tài sản cuối năm 2020: Tổng tài sản tăng xấp xỉ 443,5 tỷ, trong đó tỷ lệ tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản tăng và tỷ lệ tài sản dài hạn/ tổng tài sản giảm so với đầu kỳ.
- Tỷ lệ tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản cuối năm 2020 tăng lên 2,34% so với tỷ lệ tài sản ngắn hạn/ tổng tài sản năm 2019.
- Tỷ lệ tài sản dài hạn/ tổng tài sản cuối năm 2020 giảm 2,34% so với tỷ lệ tài sản dài hạn/ tổng tài sản cuối năm 2019.
- Cơ cấu nguồn vốn cuối năm 2020: tổng nợ phải trả tăng lên 396 tỷ, tỷ lệ nợ phải trả/ nguồn vốn tăng lên 2,03%.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Theo báo cáo hợp nhất kiểm toán năm 2020, lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty là 89,506 tỷ đồng giảm 15,4% so với năm 2019. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 là 482 đồng/ cổ phiếu, giảm 634 đồng/ 1 cổ phiếu với năm 2019 (năm 2019 lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 1.136 đồng/ cổ phiếu).

Tại chỉ tiêu này có một chút điều chỉnh so với BCTC năm 2019 tại trang 53 mục 10b đã giải thích nhưng là do "Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.136 VND xuống còn 1.116 VND".

Một số nguyên nhân chính

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: đạt 5.562 tỷ đồng so với năm 2019 là 5.009,8 tỷ đồng, tăng 11%.
- Doanh thu hoạt động tài chính: năm nay đạt 24,3 tỷ so với năm 2019 là 14,6 tỷ tăng lên 65,9% tương ứng 9,6 tỷ đồng. Nguyên nhân chính năm 2020 tăng thu nhập từ lãi tiền gửi là 4 tỷ, lãi từ chênh lệch tỷ giá phát sinh khoảng 5 tỷ và lãi thanh lý các khoản đầu tư 2 tỷ.
- Giá vốn hàng bán: Doanh thu năm nay tăng 11% so với năm 2019, trong khi đó giá vốn hàng bán tăng 12,6%. Tỷ lệ tăng của doanh thu thấp hơn tỷ lệ tăng của giá vốn (Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2020 là 86,68% còn năm 2019 là 85,81%) dẫn đến lãi gộp (GP) chỉ tăng 4,6% tương ứng tăng 31,5 tỷ đồng. Doanh nghiệp kiểm soát giá vốn hàng bán chưa được tốt so với năm trước.
- Chi phí tài chính tăng 23,5% tương ứng 33,9 tỷ đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do tăng chi phí lãi vay lên cao với tỷ lệ tăng là 16% tương ứng 21,3 tỷ đồng so với năm 2019.
- Chi phí bán hàng: Giảm 1,5% so với năm trước, tương ứng giảm 4,5 tỷ đồng, bên cạnh đó doanh thu tăng so với năm 2019 là 11% do đó có thể đánh giá doanh nghiệp kiểm soát chi phí bán hàng khá tốt và đã có những biện pháp nhằm giảm chi phí bán hàng tính trên từng sản phẩm bán ra (giá bán ít biến động). So với tỷ lệ trên doanh thu thuần thì chi phí bán hàng năm 2020 chỉ chiếm 5,43% giảm hơn 0,72% so với năm 2019.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng lên 18,9% tương ứng ~ 23 tỷ đồng là do chi phí cho nhân viên tăng 9,7 tỷ đồng; chi phí thanh toán, mở LC tăng 10,8 tỷ đồng; chi phí khấu hao tăng 4,9 tỷ đồng; dự phòng phải thu khó đòi là : 2,3 tỷ đồng; tổng chi phí dịch vụ mua ngoài và quản lý khác giảm 4,5 tỷ đồng.
- Chi phí khác: Tăng 49,6% so với năm 2019, tương ứng với 3,5 tỷ đồng.



VỀ DÒNG TIỀN NĂM 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT NĂM 2020

TT	NỘI DUNG	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	252.808.170.755	-209.832.804.827
II	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-138.919.664.588	-91.965.793.023
III	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-29.243.971.292	263.611.027.126
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	84.644.534.875	-38.187.570.724
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	142.416.314.443	181.020.914.065
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-3.691.295	-417.028.898
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	227.057.158.023	142.416.314.443

Trong năm 2020, tình hình tài chính của công ty được cải thiện đáng kể: dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đã dương và bù đắp được những dòng tiền chi ra phục vụ cho hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. So với năm 2019, dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính âm thể hiện công ty đã có định hướng tốt để cải thiện tình hình tài chính. Sử dụng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh để trả nợ gốc vay, trả cổ tức nhằm giảm sự phụ thuộc vào dòng tiền từ hoạt động tài chính như năm những năm trước.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Với nhóm khả năng thanh toán:

Khả năng thanh toán hiện thời năm 2020 là 1,15 giảm nhẹ so với năm 2019 là 1,17 nhưng hệ số vẫn đang lớn hơn 1; Hệ số khả năng thanh toán nhanh của Tập đoàn năm 2020 là 0,8 cải thiện nhẹ so với năm 2019 là 0,76. Các hệ số về khả năng thanh toán của Tập đoàn hiện đang ở mức cho phép nên Tập đoàn vẫn đáp ứng được nhu cầu vốn trong thanh toán.

Với nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn của Tập đoàn

Tỷ suất lợi nhuận ROA, ROS, ROE đều giảm so với năm 2019 tuy tỷ lệ giảm không lớn nhưng cũng thể hiện hiệu suất, hiệu quả hoạt động năm 2020 không vượt qua được năm 2019.

HĐQT có 2 thành viên độc lập, giám sát hoạt động nhân sự, lương thưởng và kiểm toán nội bộ. Qua hoạt động, Ban Kiểm toán nội bộ kiến nghị đối với hoạt động điều hành và quản trị như sau:

• Kiểm soát các khoản phải thu

Đây là kiến nghị của năm 2019 tuy nhiên chưa được cải thiện nên Ban KTNB tiếp tục kiến nghị vấn đề này. Các khoản phải thu cuối năm 2020 chiếm 41,75% tổng tài sản của công ty tăng lên 1,98% so với tỷ lệ này thời điểm đầu năm;

▪ **Kiểm soát chi phí**

Công ty phải có kế hoạch kiểm soát chi phí

Với đặc thù là công ty sản xuất giá nguyên vật liệu đầu vào lớn do đó yêu cầu doanh nghiệp đa dạng nguồn nguyên vật liệu, chất lượng giá cả phù hợp, giảm chi phí. Trong năm 2020 tỷ lệ giá vốn tăng cao hơn so với tỷ lệ tăng của doanh thu cụ thể doanh thu tăng 11,5% nhưng giá vốn tăng 12,6% do đó sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận. Việc giảm chi phí giá thành sẽ tạo bước đột phá về lợi nhuận bền vững hơn.

Với chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020: nhìn chung Tập đoàn đã có những giải pháp được đưa ra và thực hiện nhằm tiết kiệm chi phí. Tuy nhiên, chi phí nhân sự vẫn tăng lên khá cao do đó Ban KTNB vẫn kiến nghị tiếp tục rà soát lại cơ cấu nhân sự, có hệ thống đánh giá nhân sự rõ ràng, giao trách nhiệm và đánh giá công việc trên tiêu chí định lượng, đặc biệt với ban điều hành là những nhân sự mang vai trò định hướng thành công của doanh nghiệp.

▪ **Có kế hoạch cơ cấu lại nguồn**

Trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty trên báo cáo tài chính hợp nhất, nợ phải trả luôn ở mức cao so với vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm 31/12/2020, nợ phải trả gấp 2,4 lần vốn chủ sở hữu, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 93,3% nợ phải trả cho thấy hoạt động của Công ty phụ thuộc rất nhiều vào vốn vay ngân hàng, chủ yếu là vốn vay ngắn hạn. Điều này làm phát sinh vấn đề về rủi ro thanh khoản, rủi ro trong việc đảm bảo ổn định nguồn vốn hoạt động lâu dài cho Công ty và phát sinh tăng chi phí tài chính. Ban KTNB đề nghị Ban TGD lưu ý tới vấn đề này trong quá trình hoạt động.

Ban KTNB đánh giá là các kiến nghị trong năm 2019 của Ban Kiểm Soát với Công ty chưa cải thiện được đáng kể.

▪ **Kiến nghị về công tác quản trị**

Trong năm 2020, công ty đã xây dựng được hệ thống phân quyền đã bước đầu trong việc cụ thể hóa các chức năng nhiệm vụ của BLD cấp cao và trưởng các Khối Ban ngành nhằm đảm bảo hoạt động đúng định hướng, kiểm soát công việc cụ thể đến từng nhân viên. Ban KTNB kiến nghị xây dựng hệ thống đánh giá KPI; yêu cầu để hệ thống KPI có hiệu quả là: rõ ràng dễ hiểu, cập nhật thường xuyên và sát với công việc hàng ngày của từng vị trí; Hoạt động đánh giá nhân lực phải diễn ra ít nhất là 1 năm 2 lần để nâng cao trình độ của các bộ phận đặc biệt là bộ phận hỗ trợ không áp theo doanh số của kinh doanh.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (ĐẾN NGÀY 19/06/2020)

TT	HỌ VÀ TÊN, CHỨC VỤ	TỈ LỆ SỞ HỮU
I	Bà: Nguyễn Thị Thanh Thúy – Trưởng Ban	0%
II	Ông: Nguyễn Văn Quyết – Thành viên	0%
III	Bà: Lê Khánh Linh – Thành viên	0%

Sau ngày 19/06/2020, Công ty thay đổi mô hình tổ chức quản lý, thành lập Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT. Tại ĐHCĐ thường niên năm 2021, Ban Kiểm toán nội bộ sẽ thực hiện các thủ tục đổi tên thành Ủy ban Kiểm toán và HĐQT thực hiện các thủ bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán, thành viên Ủy ban Kiểm toán theo quy định của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 có hiệu lực từ ngày 1/1/2021.

Thông tin đã được công bố theo quy định hiện hành tại Thông tư 155/2015/TT-BTC, Quy chế công bố thông tin ban hành theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM.

Hệ thống quản trị công ty xây dựng và thực hiện tuân thủ theo các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC áp dụng đối với các công ty đại chúng đảm bảo các mục tiêu: trách nhiệm giải trình, minh bạch, công bằng, được giám sát độc lập, theo định hướng và hài hòa lợi ích các bên liên quan. Đây cũng là nội dung truyền thông/thông điệp tới các nhà đầu tư.

Để thực hiện công tác truyền thông, công ty đã thành lập bộ phận chuyên trách, sử dụng các công cụ thông tin theo quy định như trang thông tin điện tử của công ty, kênh công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cũng như các kênh thông tin đại chúng như báo giấy, báo điện tử, phát thanh, truyền hình, tổ chức các sự kiện chuyên biệt hoặc kết hợp để chuyển tải thông điệp tới nhà đầu tư và các bên liên quan. Các công việc đã và đang được thực hiện:

- Thực hiện các hoạt động đảm bảo quyền lợi và lợi ích của nhà đầu tư như thực hiện chi trả cổ tức đúng quy định và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, lập và đăng ký danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tổng hợp thông tin về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh hàng tháng của công ty, soạn lập và công bố Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị của công ty.
- Các thông tin và tài liệu giới thiệu và cập nhật về công ty và cổ phiếu SHI được cung cấp cho các bên liên quan và cộng đồng đầu tư; cung cấp thông tin kịp thời cho cổ đông, nhà đầu tư về tình hình kinh doanh của công ty;
- Thực hiện các thủ tục liên quan đến thủ tục phát hành cổ phiếu trả cổ tức và việc thực hiện quyền của cổ đông;
- Tiếp nhận và trả lời những thắc mắc hay yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư; tổ chức gặp gỡ các nhà đầu tư bất thường và định kỳ; xây dựng quan hệ và làm việc với các đơn vị phân tích, môi giới chứng khoán;
- Giám sát và theo dõi việc đăng tải, đưa tin về công ty và cổ phiếu SHI trên các phương tiện truyền thông, trong đó có các kênh truyền thông chứng khoán, đảm bảo các thông tin là chính xác và cập nhật thường xuyên;

Quản lý chuyên mục “Cổ đông & Nhà đầu tư” trên website của công ty, đảm bảo thông tin được cập nhật thường xuyên và chính xác; chủ trì việc chuẩn bị nội dung Bản tin Nhà đầu tư hàng tháng; quản lý và chủ trì việc giao tiếp với cổ đông và nhà đầu tư thông qua các kênh truyền thông.

Báo cáo quản trị của công ty trong 02 năm liên tiếp 2019, 2020 đều được vào danh sách bình xét “Bình chọn Doanh nghiệp niêm yết năm” nhóm doanh nghiệp có vốn hóa nhỏ.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TT	ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (*)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	14.607.892	15,98	1	0	1
	Trong nước	14.607.892	15,98	1	0	1
	Nước ngoài	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn	25.215.096	27,57	2	1	1
	Trong nước	25.215.096	27,57	2	1	1
	Nước ngoài					
4	Công đoàn Công ty					
	Trong nước					
	Nước ngoài					
5	Cổ phiếu quỹ	318.860	0,35	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/					
7	Cổ đông khác	65.891.971	72,08	2.446	41	2.405
	Trong nước	65.695.262	71,87	2.402	30	2.372
	Nước ngoài	196.709	0,21	44	11	33
TỔNG CỘNG		91.425.927	100,0	2.449	42	2.407
	Trong nước	91.229.218	99,79	2.405	31	2.374
	Nước ngoài	196.709	0,21	44	11	33

THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

TT	CỔ ĐÔNG	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
I	Ông Lê Vinh Sơn	146.078.920.000	139.122.790.000
II	Ông Lê Hoàng Hà	0	16.227.920.000
III	Các cổ đông khác	768.180.350.000	715.531.100.000
	Cộng	914.259.270.000	870.881.810.000



QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Tăng trưởng

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.



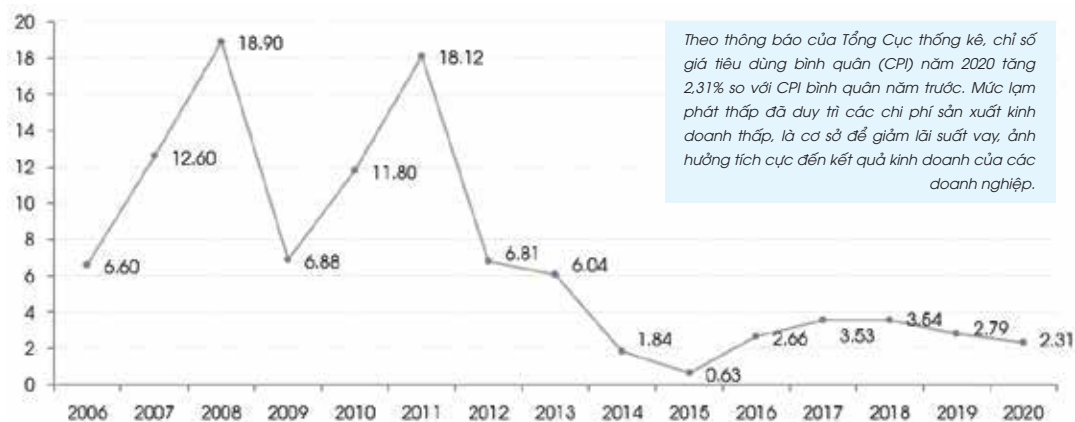
Nguồn: GSO, IMF

Tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP trong nước năm 2020) chậm lại với tỉ lệ tăng trưởng là 2,9%. Trong bối cảnh chung của đại dịch làm gián đoạn hoạt động thương mại nội địa cũng như giữa các quốc gia, hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ, tỉ lệ tăng trưởng GDP +2,9%, trong khi khu vực có tỉ lệ tăng trưởng âm -3,7% và thế giới là -3,5%, đã là một yếu tố giúp duy trì được hoạt động của doanh nghiệp, công ăn việc làm cho người lao động.

Rủi ro lạm phát

Chỉ số lạm phát ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thông qua các chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Lạm phát gia tăng sẽ khiến chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty tăng cao do tăng giá nguyên vật liệu, giá nhân công,....

Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam



Theo thông báo của Tổng Cục thống kê, chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) năm 2020 tăng 2,31% so với CPI bình quân năm trước. Mức lạm phát thấp đã duy trì các chi phí sản xuất kinh doanh thấp, là cơ sở để giảm lãi suất vay, ảnh hưởng tích cực đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Nguồn: GSO

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong năm 2020 lãi suất trên thị trường tương đối ổn định. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 4,5%/năm đối với ngắn hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6%-9%/năm đối với ngắn hạn; 9%-11%/năm đối với trung và dài hạn, giảm bình quân khoảng 0,6-0,8%/năm so với mặt bằng chung năm 2019. Mặt bằng chung lãi suất cho vay giảm có tác động tích cực tới kết quả kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế khó khăn.

Lãi suất (cho vay) ngân hàng là một trong những biến số quan trọng trong việc xây dựng kế hoạch kinh doanh mà cụ thể là kế hoạch nguồn vốn với mục tiêu cơ cấu vốn linh hoạt, chi phí hợp lý, phù hợp với diễn biến của thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán.

Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế quan, và các quy định pháp luật khác của Việt Nam. Đặc biệt, các quy định về thuế có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí của Công ty.

Ngoài ra, Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các lĩnh vực ngành nghề hoạt động hiện nay của công ty, các quy định về xuất nhập khẩu, cũng như những quy định và chính sách của nước nhập khẩu sản phẩm của Công ty. Việt Nam hiện là quốc gia đang phát triển, khung pháp lý và luật pháp chưa theo kịp với tốc độ phát triển kinh tế. Do vậy, mọi thay đổi và diễn giải, hướng dẫn pháp luật hiện hành có thể dẫn đến những kết quả không mong đợi, ảnh hưởng bất lợi tới hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản trị điều hành của Công ty. Công ty đã thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý để kịp thời dự báo và có sự chuẩn bị nhằm thích ứng với những thay đổi của chính sách. Đồng thời, nghiên cứu các quy định, chính sách về nhập khẩu của các nước mà công ty có thị trường xuất khẩu để nhằm hạn chế những rủi ro về mặt pháp lý trong giao dịch.

Rủi ro về thiên tai, dịch bệnh

Rủi ro về thiên tai

Trong năm 2020, thiên tai xảy ra liên tiếp, diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kết quả kinh doanh của Công ty, làm gián đoạn quá trình sản xuất ở những nhà máy trong vùng thiên tai, chi phí phòng chống và xử lý hậu quả của thiên tai cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Việc hạn chế các ảnh hưởng tiêu cực của thiên tai đã được Công ty thực hiện từ ý thức được sự việc, đánh giá tác động và áp dụng các biện pháp thích hợp để phòng ngừa hậu quả của thiên tai.

Rủi ro về dịch bệnh

Dịch Covid-19 trên thế giới diễn biến phức tạp, làm gián đoạn quá trình kinh doanh của Công ty cũng như ảnh hưởng đến các hoạt động giao thương, vận chuyển sản phẩm, suy giảm nhu cầu của khách hàng. Mặc dù ngành nghề của Công ty ít chịu ảnh hưởng của dịch bệnh, tuy nhiên đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng tiêu cực lớn đến hoạt động sản xuất của bản thân cũng như đối tác của Công ty.

Trong bối cảnh chung, Công ty cũng đã áp dụng linh hoạt các hình thức làm việc, tổ chức lại hoạt động sản xuất cho phù hợp với các quy định của Chính phủ cũng như diễn biến của dịch.

■ **Rủi ro đặc thù**

Rủi ro ngành

Thị trường xuất khẩu

Hiện tại sản phẩm ống thép của Sơn Hà do Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam sản xuất đã được xuất khẩu vào hơn 30 quốc gia và vùng lãnh thổ, Công ty tiếp tục chính sách mở rộng thị trường. Sản phẩm ống thép xuất khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về độ chính xác và chất lượng cao. Ý thức được điều này, Công ty đã xây dựng Hệ thống Quản lý Chất lượng ISO 9001:2008 và thực hiện đánh giá hàng năm để đảm bảo chất lượng sản phẩm một cách ổn định. Đối với các sản phẩm xuất khẩu, Công ty đã đáp ứng được yêu cầu và được cấp chứng nhận PED (Pressure Equipment Directive) cho các sản phẩm ống xuất khẩu vào thị trường châu Âu, và đáp ứng các tiêu chuẩn A312, A554, A778 của ASTM (American Society for Testing and Material) đối với sản phẩm ống thép công nghiệp và trang trí xuất khẩu vào thị trường sử dụng tiêu chuẩn ASTM.

Thuế chống bán phá giá

Sản phẩm xuất khẩu vào các thị trường có khả năng đối diện với thuế chống bán phá giá. Sở dĩ có hiện tượng như vậy là do xuất phát từ chính sách bảo hộ doanh nghiệp trong nước hoặc do việc không tận dụng được lợi thế để giảm giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp nước sở tại, nguyên nhân khác là do cạnh tranh thiếu công bằng của các doanh nghiệp xuất khẩu ở các quốc gia khác.

Thị trường trong nước: các doanh nghiệp sản xuất và phân phối nguyên liệu đầu vào là thép không gỉ đã có sự cạnh tranh với các doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu nước ngoài. Doanh nghiệp sẵn sàng nộp đơn kiện chống bán phá giá nguyên liệu đối với các doanh nghiệp đến từ các nước khác để bảo vệ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Khi xảy ra những đợt kiện chống bán phá giá nguyên liệu, các doanh nghiệp nước ngoài bị áp thuế chống bán phá giá dẫn đến giá nguyên vật liệu đầu vào của Công ty có thể bị điều chỉnh tăng do thuế suất tăng và/hoặc do các doanh nghiệp cung cấp nguyên liệu trong nước tăng giá hoặc áp đặt các điều kiện thanh toán bất lợi hơn cho khách hàng, từ đó có thể làm tăng giá thành sản phẩm của Công ty.

Rủi ro về nguyên vật liệu

Là một công ty sản xuất và kinh doanh các sản phẩm làm từ thép không gỉ, nguyên liệu chính của Sơn Hà là thép không gỉ được nhập khẩu từ nước ngoài và một số ít công ty trong nước. Giá của nguyên vật liệu chiếm tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm. Giá của nguyên liệu thường xuyên biến động sẽ ảnh hưởng đến chi phí và lợi nhuận của công ty. Bên cạnh đó, nếu nguồn nguyên vật liệu không được cung cấp đầy đủ và đúng hạn thì có thể Công ty không sản xuất đủ sản phẩm cung cấp cho các đơn hàng. Để giảm rủi ro, Công ty đã chủ động tìm kiếm những nhà cung cấp uy tín nhằm đảm bảo thời hạn giao hàng cũng như chất lượng sản phẩm.

Rủi ro về thị trường tiêu thụ

Sản phẩm chính của Sơn Hà là những đồ gia dụng thiết yếu, vì vậy lượng cầu không giảm nhiều như những sản phẩm khác. Đồng thời, Công ty đã chủ động điều chỉnh sản lượng cho phù hợp với sức tiêu thụ của thị trường.

Rủi ro trong các ngành nghề mới

Công ty đang đầu tư vào các ngành mới như cung cấp và xử lý nước, năng lượng và hạ tầng công nghiệp. Mặc dù đây là những ngành được đánh giá tiềm năng, tuy nhiên Công ty chưa có nhiều kinh nghiệm hoạt động trong những ngành này so với những đối thủ cạnh tranh đã có vị thế nhất định trong ngành. Việc lựa chọn phương án đầu tư, tiến độ triển khai phù hợp với năng lực tài chính, nhân lực và diễn biến chu kỳ của ngành sẽ quyết định thành công của các dự án đầu tư vào các ngành mới.

Công ty lựa chọn phương án tiếp cận thận trọng, từng bước nhưng quyết liệt, phù hợp với năng lực triển khai của đội ngũ nhân sự chuyên môn, năng lực tài chính cũng như diễn biến của ngành và kinh tế vĩ mô nói chung.

■ **Rủi ro cạnh tranh**

Hiện nay, có khoảng 20 doanh nghiệp trong nước bên cạnh các sản phẩm được nhập khẩu trong đó có những công ty lớn, có uy tín và đang cạnh tranh trực tiếp với công ty như Tân Á, Tân Mỹ ở sản phẩm bồn nước, chậu rửa, Hoàng Vũ, Tiến Đạt ở sản phẩm ống inox, hay Kangaroo, Sunhouse ở các sản phẩm gia dụng. Sơn Hà đang nỗ lực cải tiến chất lượng sản phẩm, đa dạng hoá mẫu mã để chiếm lĩnh thị trường, tiến tới mục tiêu trở thành tập đoàn sản xuất các sản phẩm từ thép không gỉ, sản phẩm gia dụng hàng đầu Việt Nam. Bên cạnh đó, việc thâm nhập vào các ngành mới sẽ tạo cơ hội cũng như thách thức trong giai đoạn phát triển sắp tới của Công ty.

PHẦN V

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hơn 22 năm xây dựng và phát triển, vượt qua nhiều khó khăn và thách thức, Sơn Hà vẫn luôn cố gắng hoàn thiện, thực hiện cam kết phát triển XANH góp phần bảo vệ môi trường, tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện. Bởi chúng tôi tin rằng muốn đi xa, muốn phát triển bền vững, doanh nghiệp phải tích cực tạo ra những giá trị bền vững cho chính các thành viên của Tập đoàn, cho cộng đồng và xã hội:



Tối ưu kinh tế để tăng trưởng bền vững

- Duy trì mức tăng trưởng ổn định
- Phát triển sản phẩm thân thiện môi trường



Phát triển nguồn nhân lực

- Tạo nguồn thu nhập ổn định cho gần 2.000 CBNV
- Đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất
- Xây dựng môi trường làm việc tốt để người lao động phát huy được năng lực, cống hiến cho Công ty
- Đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của người lao động



Chung tay bảo vệ môi trường

- Tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường
- Thực hiện tiết kiệm năng lượng trong sản xuất tại nhà máy và văn phòng



Hỗ trợ các hoạt động cộng đồng, xã hội

- Mang nước sạch lên vùng cao
- Đồng hành cùng Hội Chữ Thập đỏ Việt Nam
- Cứu trợ đồng bào bị ảnh hưởng do thiên tai...

Tối ưu kinh tế tăng trưởng bền vững

■ Duy trì mức tăng trưởng ổn định

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà luôn chú trọng sản xuất và kinh doanh, đảm bảo doanh thu tăng trưởng ổn định qua các năm; duy trì thị phần tại các thị trường cốt lõi; liên tục phát triển thị trường mới và tăng cường xuất khẩu sang nước ngoài. Năm 2020, tổng doanh thu của Sơn Hà đạt hơn 5.562 (tỷ đồng) và nộp ngân sách Nhà nước 260 tỷ đồng. Sơn Hà cũng liên tục khẳng định được vị thế dẫn đầu ngành hàng gia dụng với thương vụ thu mua thành công Toàn Mỹ, mở rộng sản xuất và phân phối hàng hóa xuống các tỉnh phía Nam.

■ Tiếp tục phát triển ngành mới, chuyển mình cùng công nghệ xanh

Bên cạnh các ngành hàng truyền thống, Sơn Hà luôn không ngừng nghiên cứu, tìm hiểu các sản phẩm, lĩnh vực công nghệ cao, tiên phong trong phát triển năng lượng sạch. Năm 2020, bên cạnh ngành xử lý nước sạch và nước thải, biogas, công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà còn mở rộng đầu tư phát triển nguồn năng lượng sạch với sản phẩm điện mặt trời áp mái FreeSolar. Ưu tiên sử dụng năng lượng xanh, năng lượng tái tạo đang là xu hướng không chỉ trên thế giới mà cả ở Việt Nam. Điều này càng quan trọng hơn, không chỉ trong vấn đề xây dựng chiến lược phát triển bền vững của xã hội, thân thiện với môi trường của toàn bộ nền kinh tế mà còn đặc biệt quan trọng trong bối cảnh nguy cơ thiếu điện của Việt Nam vẫn đang hiện hữu.

Với nhận thức này, Tập đoàn Sơn Hà đã xác định, cung cấp các sản phẩm năng lượng xanh, năng lượng tái tạo, trong đó trước mắt là sản phẩm điện áp mái Free Solar – một chiến lược quan trọng trong kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn thời gian tới.



Phát triển nguồn nhân lực

Đảm bảo quyền lợi của nhân viên

Tập đoàn Sơn Hà tổ chức làm việc 8 giờ/ngày; 5,5 ngày/tuần và tuân thủ các chế độ về nghỉ phép, nghỉ lễ... theo quy định của Luật Lao động.

Với từng đối tượng lao động khác nhau (khối công nhân sản xuất và khối văn phòng), Tập đoàn đã xây dựng các biện pháp phù hợp để đáp ứng cho từng đối tượng lao động.

Tại các nhà máy và phân xưởng, vấn đề vệ sinh môi trường luôn được Tập đoàn chú trọng. Các cán bộ nhân viên được trang bị kiến thức an toàn lao động, được cấp phát đồng phục bảo hộ, mũ bảo hộ, kính, găng tay, khẩu trang chống tia điện, các dụng cụ y tế (băng, gạc, bông, thuốc sát trùng...).

Tổng số lao động đang làm việc tại các công ty trong toàn Tập đoàn tại thời điểm 31/12/2020 là 1.825 người. Năm 2020 Tập đoàn đã vượt qua đại dịch đảm bảo duy trì việc làm và chế độ chính sách đầy đủ cho CBCNV trong toàn hệ thống Tập đoàn. Vấn đề tiền lương của người lao động luôn nhận được sự quan tâm từ Ban Lãnh đạo Tập đoàn và mức thu nhập trung bình tăng từ 5-10% hàng năm. Mức lương bình quân 16.588.000 đồng/người/tháng.

Chính sách đãi ngộ

Các chế độ cho người lao động luôn được bổ sung hàng năm, đặc biệt trong năm 2020 Tập đoàn bổ sung các chế độ sau: Chế độ bảo hiểm sức khỏe cho Cán bộ Lãnh đạo cấp cao Tập đoàn, bổ sung đối tượng mua chế độ bảo hiểm thân thể cho người lao động. Các chính sách đối với người lao động:

- Chế độ khám sức khỏe định kỳ cho Người lao động.
- Chế độ nghỉ mát cho CBCNV
- Chế độ Bảo hiểm sức khỏe cho CBLĐ
- Chế độ Bảo hiểm thân thể cho CBCNV
- Chi thưởng cho CBCNV các ngày lễ lớn như: Tết Dương lịch; Ngày Quốc khánh, Ngày 30/04 – 01/05; thưởng tháng lương 13.
- Tổ chức các chương trình giao lưu gắn kết và tặng quà cho CBCNV vào các ngày Lễ trong năm như: 08/03; 20/10; Noell
- Tổ chức thăm hỏi động viên CBCNV kịp thời trong các sự kiện gia đình quan trọng: hiếu hỉ, sinh nhật, ốm đau....

Đào tạo nguồn nhân lực bền vững

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm theo tiêu chuẩn.
 - CBCNV từ cấp Trưởng nhóm/Nhân viên tối thiểu được tham dự 42 giờ đào tạo.
 - Các CBQL tối thiểu tham dự 12 giờ đào tạo và trực tiếp tham gia giảng dạy tối thiểu 24 giờ trong 1 năm.
 - Các chương trình và tổ chức các khóa đào tạo nội bộ thường xuyên giúp nâng cao nghiệp vụ, chuyên môn của đơn vị, phòng ban trong hệ thống Tập đoàn. Thực hiện đào tạo hội nhập đối với các đơn vị, nhân sự mới gia nhập tập đoàn được chia sẻ với những thông tin cần thiết hỗ trợ công việc và hòa nhập văn hóa chung.
- Bên cạnh đó, những chương trình đào tạo phát triển văn hóa và tọa đàm trực tiếp của Lãnh đạo cũng được ưu tiên để xuất tổ chức trong năm 2021.

Tập huấn kỹ thuật sơ cấp cứu dành cho cán bộ nhân viên tập đoàn



Workshop Tư vấn cách chăm sóc da, makeup cho cán bộ nhân viên nữ nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10



Một số hình ảnh cán bộ nhân viên Sơn Hà - Bắc Ninh



Chung tay bảo vệ môi trường

Với hệ thống các nhà máy trải dài trên toàn quốc, công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà luôn chú trọng vận hành sản xuất tiết kiệm để không chỉ giảm chi phí vận hành, tăng hiệu quả sản xuất mà còn giảm gánh nặng tài nguyên, nâng cao nhận thức về môi trường cho CBNV.

Các hoạt động báo cáo tác động môi trường, quan trắc môi trường, quản lý chất thải... được Sơn Hà triển khai nghiêm túc theo quy định của pháp luật.

Văn phòng tiết kiệm năng lượng



Kiểm tra và giám sát việc thực hiện sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong phòng/ban; tổ chức tuyên truyền CBNV thực hiện tiết kiệm năng lượng.

Khi mua sắm các phương tiện, thiết bị sử dụng điện phải ưu tiên mua sắm các phương tiện, thiết bị được dán nhãn năng lượng, loại nhãn xác nhận (nhãn ngôi sao năng lượng) hoặc nhãn so sánh đạt cấp hiệu suất năng lượng 5 sao.

Xây dựng mô hình quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Hưởng ứng chiến dịch Giờ Trái đất.

Nhà máy tiết kiệm năng lượng



Khuyến khích mua sắm, lắp đặt các phương tiện, thiết bị mới sử dụng các sản phẩm được dán nhãn tiết kiệm năng lượng.

Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức về sử dụng năng lượng, biện pháp công nghệ phù hợp và thiết bị công nghệ có hiệu suất năng lượng cao, sử dụng các dạng năng lượng thay thế có hiệu quả cao hơn trong dây chuyền sản xuất.

Tiến hành thay thế dần các dây chuyền công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng; thực hiện việc đầu tư nâng cấp, cải tiến, hợp lý hóa công nghệ sử dụng năng lượng nhằm hạ thấp suất tiêu hao năng lượng trên một đơn vị sản phẩm. Đặc biệt, nhà máy Sơn Hà đã thực hiện lắp đặt hệ thống pin năng lượng mặt trời.

Tổ chức các lớp tập huấn về quản lý năng lượng, kiểm toán năng lượng.

Khen thưởng các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt; xử lý kịp thời các vi phạm quy định về sử dụng tiết kiệm năng lượng.

Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường



Sơn Hà là doanh nghiệp tiên phong trong phong trào Giờ Trái đất, góp phần nâng cao ý thức tiết kiệm điện, bảo vệ môi trường. Đồng thời, Đoàn thanh niên Sơn Hà cũng kết hợp cùng các cơ sở đoàn địa phương, tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện bảo vệ môi trường. Năm 2019, Sơn Hà đã hưởng ứng chương trình "Ra quân bảo vệ môi trường biển" tại Thanh Hóa.





HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Sơn Hà nối yêu thương hướng về miền Trung ruột thịt

Trong năm 2020, miền Trung Việt Nam đã phải hứng chịu 13 cơn bão nhiệt đới liên tiếp, gây ra tình trạng lũ lụt và sạt lở đất tồi tệ nhất trong 100 năm trở lại đây. Do tính chất phức tạp, khốc liệt của thiên tai, thời tiết khó lường, đặc biệt là mưa lũ với cường độ rất lớn, tập trung kéo dài nhiều ngày, vượt quá mức dự báo, cảnh báo nên đã gây thiệt hại nặng nề. Cụ thể, đã có 249 người chết, mất tích; trong đó, 192 người chết và 57 người vẫn đang còn mất tích. Riêng bão đã làm 25 người, lũ là 78 người, sạt lở đất là 112 và thiên tai khác là 34 người chết và mất tích. Có 1.531 ngôi nhà bị sập; 239.340 nhà bị hư hại, tốc mái và hơn 473.450 lượt nhà bị ngập nước.

Đứng trước những tổn thất nghiêm trọng do bão lũ, và với tinh thần cả nước hướng về "khúc ruột" miền trung, Tập đoàn Sơn Hà tổ chức chương trình: Sơn Hà Nối Yêu thương - Hướng về Miền trung ruột thịt. Chương trình được cán bộ nhân viên tích cực hưởng ứng và quyên góp được 300 triệu đồng.

Số tiền đã được trao tận tay đến 400 hộ gia đình tại tỉnh Thừa Thiên - Huế. Tất cả các hoạt động đều nhận được sự đồng cảm sâu sắc từ cộng đồng.

Trong tương lai Sơn Hà tiếp tục triển khai nhiều hoạt động thiên nguyện ý nghĩa khác góp phần thúc đẩy đời sống vật chất, tinh thần và nhân rộng tấm lòng nhân ái để xã hội chứa đựng nhiều điều tốt đẹp hơn.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Xây dựng phòng học tại điểm trường vùng cao

Trong mục tiêu trách nhiệm cộng đồng của năm 2020, Sơn Hà quyết định tập trung các hoạt động thiện nguyện của mình cho đồng bào và học sinh tiểu học vùng miền núi phía Bắc. Công ty đã lựa chọn xây phòng học tại điểm trường xã Thanh Lòa - một xã nghèo thuộc vùng đặc biệt khó khăn của huyện Cao Lộc với dân số chủ yếu là bà con dân tộc thiểu số (chiếm trên 50%).

Những năm qua tuy được nhà nước đầu tư xây dựng nhưng cơ sở vật chất của điểm trường, trang thiết bị dạy học cho học sinh hàng ngày đang còn thiếu thốn, chưa đáp ứng được yêu cầu cho các hoạt động giáo dục. Trường Phổ thông dân tộc bán trú, Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Lòa có 265 học sinh nhưng chỉ bao gồm 1 điểm trường chính và 2 điểm trường lẻ, các cấp học còn phải học chung gây ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục.

Kịp thời động viên, hỗ trợ và chia sẻ một phần những khó khăn, vất vả của các em học sinh, công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà đã tài trợ 100% kinh phí xây dựng thêm phòng học và các công trình phụ tại điểm trường Thanh Lòa, thắp sáng ước mơ đi tìm con chữ của học sinh nghèo nơi đây.

Đầu năm 2020, từ nguồn kinh phí hỗ trợ của Tập đoàn Sơn Hà, công trình phòng học được xây dựng khang trang, kiên cố với trang bị hệ thống chiếu sáng, thiết bị dạy và học đầy đủ, sân chơi bê tông và xây mới các hạng mục phụ trợ.



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Ngày hội hiến máu – Sơn Hà nối yêu thương

Nằm trong chiến dịch "Tôi thay đổi", chương trình "Ngày hội hiến máu – Sơn Hà nối yêu thương" tiếp tục khẳng định tinh thần dám thay đổi của "người Sơn Hà", luôn chuyển mình, tạo ra nguồn năng lượng tích cực truyền đến cộng đồng.



Mỗi giọt máu trao đi là chia sẻ niềm hi vọng sống với những người bệnh đang chống chọi với bệnh tật vào thời điểm khan hiếm máu như hiện nay. Phát huy truyền thống "tương thân tương ái", nhiều năm qua, Tập đoàn Sơn Hà luôn hưởng ứng lời kêu gọi của Viện huyết học – Truyền máu TW và tổ chức chương trình hiến máu nhân đạo với mong muốn tiếp thêm niềm tin, sức mạnh cho những bệnh nhân cần truyền máu.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Cam kết với các bên liên quan



01. CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Xây dựng đội ngũ vững mạnh, đảm bảo quyền lợi chính đáng và mang đến sự thỏa mãn, hài lòng của nhân viên về môi trường làm việc

02. CỔ ĐÔNG VÀ NHÀ ĐẦU TƯ

Nỗ lực mang lại lợi ích cao và bền vững cho cổ đông thông qua hiệu quả kinh doanh; công bố thông tin một cách minh bạch và đầy đủ

03. NHÀ NƯỚC

Tuân thủ chính sách, quy định Nhà nước trong mọi hoạt động của Công ty góp phần phát triển đất nước

04. KHÁCH HÀNG

Không ngừng nỗ lực để làm hài lòng khách hàng trên cơ sở cung cấp những sản phẩm và dịch vụ với chất lượng hàng đầu; Nâng cao chất lượng dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng (giải đáp thắc mắc trong vòng 24h)

05. ĐỐI TÁC

Thiết lập quan hệ với các đối tác trên cơ sở gắn kết, cùng phát triển

06. CỘNG ĐỒNG

Cải thiện kinh tế thông qua việc tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương; Tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, đóng góp cho xã hội và cộng đồng



PHẦN VI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

■ Khái quát công ty

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn").

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà tiền thân là Công ty TNHH Cơ Kim khí Sơn Hà, được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh 070376 ngày 23 tháng 11 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty chuyển đổi sang mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 30 tháng 10 năm 2007 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100776445 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp cùng ngày.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã hai mươi (20) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty, trong đó lần đăng ký thay đổi thứ hai mươi (20) ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc tăng vốn điều lệ.

■ Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô CN1 cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Văn phòng giao dịch: Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (024) 62 65 65 66
- Fax: (024) 62 65 65 88

■ Công ty có các chi nhánh trực thuộc sau

TT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ
1	Chi nhánh Hải Dương	Thôn Cẩm Khê, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
2	Chi nhánh Hải Dương 2	Khu dân cư Ninh Chấp 7, phường Nguyễn Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương
3	Chi nhánh Phú Thọ	Khu 7, xã Hy Cương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ
4	Chi nhánh Ninh Bình	Phố An Hòa, phường Ninh Phong, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình
5	Chi nhánh Ninh Bình 2	Km2, đường 12 B, phố Tân Nhất, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình
6	Chi nhánh Hà Nam	Số nhà 81, đường Lê Hoàn, tổ 6, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
7	Chi nhánh Hà Nam 02	Xóm 3, xã Tràng An, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
8	Chi nhánh Xuân Mai	Thôn Xuân Thủy, xã Thủy Xuân Tiên, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
9	Chi nhánh Sóc Sơn	Thôn Phù Mã, xã Phù Ninh, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
10	Chi nhánh Thái Nguyên	Xóm 8, xã Sơn Cẩm, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
11	Chi nhánh Thái Nguyên 2	Tổ 3, phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
12	Chi nhánh Tuyên Quang	Thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
13	Chi nhánh Tuyên Quang 2	Thôn Hợp Hòa 2, xã Lương Vượng, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang
14	Chi nhánh Sơn Tây	Quốc Lộ 21, thôn Tân Phú, xã Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nội
15	Chi nhánh Cẩm Phả	Tổ 1, khu Trung Sơn 2, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

TT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ
16	Chi nhánh Yên Bái	Tổ 2, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
17	Chi nhánh Vĩnh Phúc	Đường Nguyễn Tất Thành, Khu tái định cư Hán Lữ, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
18	Chi nhánh Sơn La	Đường Lê Duẩn, tổ 4, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
19	Chi nhánh Sơn La 2	Km 181, Quốc lộ 6, số nhà 18, Tiểu khu Tiên Tiến, thị trấn Nông Trường Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La
20	Chi nhánh Hòa Bình	Xóm 1, xã Sủ Ngòi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
21	Chi nhánh Bắc Giang	Thôn 9, xã Việt Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
22	Chi nhánh Bắc Giang 2	Thôn Già Khê, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang
23	Chi nhánh Bắc Giang 3	Thôn Kép 11, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
24	Chi nhánh Bắc Giang 4	Khu công nghiệp Đình Kế, phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
25	Chi nhánh Thái Bình	Thôn Lê Lợi 1, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình
26	Chi nhánh Thái Bình 2	Xóm 7, thôn Trinch Trung Đông, xã Anh Ninh, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
27	Chi nhánh Bắc Ninh	Km2 đường Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
28	Chi nhánh Cao Bằng	Tổ 11 Thâm Hoảng I, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
29	Chi nhánh Quốc Oai	Cạnh cây xăng Cửa Sâu, thôn Đồng Lư, xã Đồng Quang, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội
30	Chi nhánh Nam Định	Km 3,5 đường S2, xã Nghĩa An, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định
31	Chi nhánh Nam Định 2	Khu 3, thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định
32	Chi nhánh Hưng Yên	Km 12, thôn Yên Lịch, xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên
33	Chi nhánh Hưng Yên 2	Đội 7, thôn Phương Thông, xã Phương Chiểu, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
34	Chi nhánh Lào Cai	Nhà ông Vinh, đường N4 và E13 tiểu khu đô thị số 4, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
35	Chi nhánh Quảng Ninh 2	Tổ 79, khu 7, phường Hà Khẩu, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
36	Chi nhánh Quảng Ninh 3	Khu Quy Hoạch Trại Tĩnh, phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
37	Chi nhánh Điện Biên	Đội 7A, Hợp tác xã Pom Lót, xã Pom Lót, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
38	Chi nhánh Phú Thọ 2	Khu 7, xã Hương Nộn, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
39	Chi nhánh Hà Giang	Tổ 8, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang
40	Chi nhánh Đông Anh	Thôn Tiên Hùng, Xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
41	Chi nhánh Vĩnh Phúc 2	Phố Phú Lâm, thị trấn Lập Thạch, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc
42	Chi nhánh Lai Châu	Tổ 5, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu
43	Chi nhánh Bắc Kạn	Số 193, tổ 9, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
44	Chi nhánh Lạng Sơn	Thôn Khòn Pát, xã Mai Pha, Thành Phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động kinh doanh của Công ty

- Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp; sản xuất các loại thiết bị lọc nước; bán buôn phân bón; mua bán các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán các sản phẩm thiết bị nhà bếp; mua bán các loại thiết bị lọc nước; bán buôn phân bón; mua bán các sản phẩm năng lượng mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn;
- Sản xuất đồ điện dân dụng; sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung;
- Vệ sinh chung nhà cửa; vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan; dịch vụ hành chính và văn phòng tổng hợp;
- Sản xuất sắt, thép, gang; đúc sắt, thép;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; bán buôn giường tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); bán buôn các loại máy công cụ dùng cho mọi loại vật liệu; bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh



BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/TÁI BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Ông Lê Vinh Sơn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Hoàng Hà	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Bà Trần Kim Dung	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Phan Thế Ruệ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Vi Công Khanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Viết Hà	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Nhữ Văn Hoan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Kiều Đức Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM/MIỄN NHIỆM
Ông Nguyễn Viết Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Ông Đàm Quang Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020
Bà Trần Kim Dung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2020
Ông Nhữ Văn Hoan	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2019
Ông Phạm Thế Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2020
Ông Đỗ Thành Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2020
Ông Đào Nam Phong	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 9 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lê Vinh Sơn - Chủ tịch HĐQT (tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 6 năm 2020).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện Hội đồng quản trị



Lê Vinh Sơn
Chủ tịch hội đồng quản trị

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ SƠN HÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021, từ trang 08 đến trang 60, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C

CHI NHÁNH HÀ NỘI



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708 -2018-008-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.424.719.897.446	2.992.504.911.924
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.I	227.057.158.023	142.416.314.443
1. Tiền	111		183.018.554.669	141.916.314.443
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.038.603.354	500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		199.272.216.533	89.462.580.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.I	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	199.272.216.533	89.462.580.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.880.934.368.021	1.615.043.647.801
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.657.447.160.881	1.329.319.087.486
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	104.977.331.415	100.139.578.185
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	912.000.000	53.835.900.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	126.495.163.442	139.057.469.887
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.584.205.818)	(8.844.931.357)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.I	1.686.918.101	1.536.543.600
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	1.053.176.293.319	1.050.771.377.815
1. Hàng tồn kho	141		1.053.176.293.319	1.052.548.599.632
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.777.221.817)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.279.861.550	94.810.991.865
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	13.826.622.474	11.712.534.005
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		48.997.654.952	81.795.956.094
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1.455.584.124	1.302.501.766
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.080.058.230.900	1.068.731.264.392
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.120.701.105	3.785.756.401
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	4.916.103.338	4.581.158.634
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(795.402.233)	(795.402.233)
II. Tài sản cố định	220		745.544.036.755	677.455.842.166
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	675.971.484.182	617.231.411.941
Nguyên giá	222		1.159.029.793.197	1.024.792.924.287
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(483.058.309.015)	(407.561.512.346)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	53.366.234.835	43.349.473.749
Nguyên giá	225		67.638.516.928	50.166.101.021
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(14.272.282.093)	(6.816.627.272)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	16.206.317.738	16.874.956.476
Nguyên giá	228		26.313.172.786	25.566.485.686
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.106.855.048)	(8.691.529.210)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		146.618.870.935	113.066.819.950
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	146.618.870.935	113.066.819.950
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		22.560.723.342	101.911.821.664
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	11.850.723.342	80.331.821.664
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.710.000.000	2.710.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	8.000.000.000	18.870.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		161.213.898.763	172.511.024.211
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	156.513.863.760	167.097.872.968
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	V.14	4.700.035.003	5.413.151.243
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	V.8	4.504.778.128.346	4.061.236.176.316

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		3.182.048.296.531	2.786.495.466.541
I. Nợ ngắn hạn	310		2.968.943.904.380	2.558.534.825.963
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	354.213.779.926	243.519.689.407
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	44.649.281.694	14.163.952.411
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	24.240.088.860	28.207.377.800
4. Phải trả người lao động	314		45.118.194.120	35.763.507.970
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	35.436.293.221	16.565.730.069
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	428.361.763.985	235.539.630.366
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	2.019.960.183.511	1.969.900.495.908
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	3.054.041.419	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	13.910.277.644	14.874.442.032
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		213.104.392.151	227.960.640.578
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	734.522.866	744.522.866
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	211.328.653.198	227.216.117.712
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	1.041.216.087	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.322.729.831.815	1.274.740.709.775
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	1.322.729.831.815	1.274.740.709.775
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		914.259.270.000	870.881.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		914.259.270.000	870.881.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(47.906.902.648)	(47.906.902.648)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.897.500.000	35.159.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(4.186.322.972)	(4.186.322.972)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(491.101.295)	(1.665.791.015)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		37.260.540.686	35.975.682.792
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		209.828.408	209.828.408
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		138.955.284.782	200.078.761.975
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		94.895.586.354	200.078.761.975
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		44.059.698.428	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		241.731.734.854	186.194.643.235
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.504.778.128.346	4.061.236.176.316

Người lập biểu

Đinh Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Vinh Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	5.562.192.633.629	5.009.897.373.159
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	202.074.366.120	202.801.267.709
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.360.118.267.509	4.807.096.105.450
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	4.646.185.663.131	4.124.748.678.221
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		713.932.604.378	682.347.427.229
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	24.319.207.367	14.656.940.568
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	178.306.004.101	144.335.404.061
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>155.472.537.037</i>	<i>134.075.712.491</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		376.052.028	(1.895.490.669)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	291.082.539.110	295.606.442.542
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	144.868.999.019	121.871.055.196
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		124.370.321.543	133.295.975.329
12. Thu nhập khác	31		11.995.139.235	13.692.138.955
13. Chi phí khác	32		10.562.466.025	7.059.428.928
14. Lợi nhuận khác	40		1.432.673.210	6.632.710.027
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		125.802.994.753	139.928.685.356
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		36.296.186.439	34.180.335.974
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		89.506.808.314	105.748.349.382
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		44.059.698.428	98.956.178.833
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		45.447.109.886	6.792.170.549
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		484	1.066
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		484	1.066

Người lập biểu

Đinh Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Vinh Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		125.802.994.753	139.928.685.356
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		84.625.226.251	71.142.709.475
- Các khoản dự phòng	03		4.057.310.150	(402.485.041)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.691.295	389.809.274
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.715.514.448)	(7.106.853.675)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	155.472.537.037	134.075.712.491
- Các khoản điều chỉnh khác	07		196.625.000	196.625.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		355.442.870.038	338.224.202.880
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(278.672.754.011)	(377.401.374.832)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(627.693.687)	(47.901.098.205)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		366.170.451.735	115.494.123.470
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.484.670.320	(82.416.716.997)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(156.066.459.970)	(133.195.757.200)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(40.444.806.124)	(20.440.749.104)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	100.472.301
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(1.478.107.546)	(2.295.907.139)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		252.808.170.755	(209.832.804.827)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(166.519.338.275)	(38.594.217.871)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	120.884.569	5.235.186.698
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(303.256.339.887)	(311.218.991.950)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		257.240.603.354	252.909.560.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b	59.999.400.000	(11.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.495.125.651	10.702.670.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(138.919.664.588)	(91.965.793.023)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	4.445.724.895.776	3.837.387.376.479
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(4.417.108.680.346)	(3.565.821.336.775)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20	(14.475.526.222)	(7.955.012.578)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(43.384.660.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(29.243.971.292)	263.611.027.126
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		84.644.534.875	(38.187.570.724)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	142.416.314.443	181.020.914.065
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.691.295)	(417.028.898)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	227.057.158.023	142.416.314.443

Lập, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

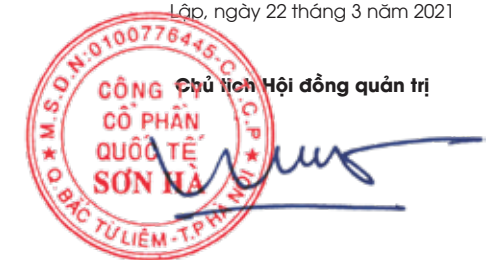


Đinh Thị Hạnh

Kế toán trưởng



Trương Văn Tiến



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Vinh Sơn



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà (sau đây gọi tắt là "Công ty" hay "Công ty mẹ") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp như bồn chứa nước, chậu rửa, bình năng lượng Thái dương năng, bình nóng lạnh, máy lọc nước, máy hút mùi, ống công nghiệp, ống trang trí.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm sản xuất kinh doanh trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Dự án xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông công suất 30.000m³/ngày bắt đầu đi vào hoạt động năm 2019, nguyên giá tài sản là 124.508.842.419 VND được ghi nhận theo Báo cáo kiểm toán số 55/2020/AEA-ĐT-NV5, ngày 19 tháng 5 năm 2020 về Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành Công trình: Xây dựng Trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông, công suất 30.000m³/1 ngày do Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á kiểm toán. Doanh thu thành phẩm đạt được trong năm 2019 là 6.605.446.900 VND, doanh thu thành phẩm đạt được trong năm 2020 là 31.197.925.589 VND. Theo điều khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh số 91/2017/HĐ HTKD - NHD - SONHA ngày 29/8/2017 quy định, Công ty TNHH MTV Nước Sạch Hà Đông sẽ tiêu thụ toàn bộ nước sản xuất từ trạm xử lý nước sạch của Công ty theo yêu cầu ở từng thời điểm.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 16 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thành lập công ty con

Trong năm, Tập đoàn đã tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Sơn Hà Free Solar với tỷ lệ góp vốn là 90% vốn điều lệ. Mục đích của việc tham gia góp vốn là để phát triển lĩnh vực kinh doanh năng lượng điện. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký, các cổ đông sáng lập còn lại chưa góp vốn theo đăng ký doanh nghiệp, do đó tỷ lệ lợi ích của Công ty là 100%.

Trong năm 2020, Tập đoàn cũng cam kết góp vốn thành lập Công ty TNHH Quản lý Vận hành và Kinh doanh nước sạch Sơn Hà. Số vốn cam kết góp là 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ, mục đích của việc tham gia góp vốn là để phát triển ngành khai thác, xử lý và cung cấp nước. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính Công ty chưa thực hiện góp vốn theo cam kết.

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen cho Công ty TNHH Wegen Viet Nam Holdings theo Nghị quyết số 40/2020/NQ-SH ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Quản trị và hợp đồng chuyển nhượng số 06/2020/CNVG/SH-Wegen. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã hoàn tất thủ tục thoái vốn tại Công ty này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

CÔNG TY CON TRỰC TIẾP					
TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	TỶ LỆ VỐN GÓP THEO CAM KẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất và gia công cơ khí các sản phẩm, đồ dùng bằng kim loại	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Sản xuất và Dịch vụ Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	51%	54,26%	51%
Công ty Cổ phần Phát triển Năng Lượng Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất bình Thái Dương năng	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Dự án Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	69%	75,74%	69%
Công ty TNHH MTV Kinh doanh và Phát triển Dịch vụ Sơn Hà Miền Bắc	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Kinh doanh thương mại	100%	100%	100%
Sonha Myanmar International Limited	No.33/B Damaryone Street, Ward No.15, Baukhtaw, Yankin Township, Yangon, Myanmar	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cơ khí tiêu dùng và công nghiệp	52,5%	52,5%	52,5%
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	Khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Giao, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Công nghiệp Trường Tuyển	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất, dịch vụ	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Công nghệ Xử lý nước và Môi trường Sơn Hà	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất nước thương mại	60%	60%	60%
Công ty Cổ phần Điện Mặt trời Sơn Hà FreeSolar (*)	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Sản xuất điện	90%	100%	90%
Công ty TNHH Quản lý vận hành & Kinh doanh nước sạch Sơn Hà SHWater	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	100%	100%	100%

(*) Trong năm, Tập đoàn đã tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ Phần Điện Mặt Trời Sơn Hà Free Solar, số tiền góp vốn 13.497.543.386 VND tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã góp đủ vốn theo đăng ký, các cổ đông sáng lập còn lại chưa góp vốn theo đăng ký kinh doanh, do đó tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn là 100%.

CÔNG TY CON GIÁN TIẾP

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	TỶ LỆ VỐN GÓP THEO CAM KẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An	Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Lô CN07, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị gia dụng	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty Cổ phần Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Lô CN08, Khu CN, đô thị Thuận Thành II, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung	Lô 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng gia dụng và công nghiệp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Sơn Hà Vinh (*)	Khu B, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An	Sản xuất các sản phẩm cơ khí tiêu dùng, kinh doanh các sản phẩm thiết bị nhà bếp	74,34%	74,34%	74,34%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Quốc tế Trường Thịnh	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	51%	51%
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Dịch vụ Quốc tế Thiên Sơn	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	51%	26,01%	51%

(*) Ngày 20 tháng 2 năm 2020, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà Vinh theo hợp đồng 202/2020/HDCN/SHV-TP. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn đã hoàn tất việc thoái vốn tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà Vinh.

6c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

TÊN CÔNG TY	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH	HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH	TỶ LỆ VỐN GÓP THEO CAM KẾT	TỶ LỆ LỢI ÍCH	TỶ LỆ QUYỀN BIỂU QUYẾT
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Số 8 Quang Trung, P. Quang Trung, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội	Dịch vụ trò chơi trực tuyến và trò chơi điện tử; Cho thuê mặt bằng kinh doanh (trong trung tâm thương mại)	20,14%	20,14%	20,14%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Số 14/10 Lê Đại Hành, P. Đồng Kinh, Tp. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Cung cấp, phân phối nước sạch	20,10%	20,10%	20,10%
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	Lô CN1, Cụm CN Từ Liêm, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn, bán lẻ	50%	50%	50%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6d. Danh sách các Công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam, có địa chỉ tại Khu B Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tập đoàn là 41,67%. Công ty này do TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Sơn Hà Vinh sở hữu 49% vốn.

Ngày 20 tháng 2 năm 2020, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà Vinh. Do vậy, tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam không còn là Công ty liên kết của Tập đoàn.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 1.825 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 1.944 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí Showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí thuê nhà, chi phí quảng cáo. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí Showroom

Chi phí Showroom được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 5 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo, thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	SỐ NĂM
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05 - 25

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

LOẠI TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	SỐ NĂM
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời gian giao đất.

Chương trình phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 – 10 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà và quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

16. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ bao gồm dự phòng bảo hành sản phẩm, được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành.

17. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và hình thành phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

18. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

19. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

21. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

22. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

23. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

24. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền mặt	9.047.411.614	14.551.422.990
Tiền gửi ngân hàng	173.955.480.535	127.364.891.453
Tiền đang chuyển	15.662.520	-
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	44.038.603.354	500.000.000
Cộng	227.057.158.023	142.416.314.443

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ngắn hạn	199.272.216.533	89.462.580.000
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	199.272.216.533	89.462.580.000
Dài hạn	8.000.000.000	18.870.000.000
Trái phiếu	8.000.000.000	18.870.000.000
Cộng	207.272.216.533	108.332.580.000

(*) Trong đó, tiền gửi có kỳ hạn được dùng để cầm cố đảm bảo cho khoản vay các ngân hàng thương mại có số dư là 74.800.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2b. Đầu tư vào công liên kết

	SỐ CUỐI NĂM			SỐ ĐẦU NĂM		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh ngay sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh ngay sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	31.405.778.616	(31.405.778.616)	-	31.405.778.616	(31.405.778.616)	-
Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam	59.999.400.000	(59.999.400.000)	-	59.999.400.000	-	59.999.400.000
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	12.259.031.850	(408.308.508)	11.850.723.342	12.259.031.850	(784.360.536)	11.474.671.314
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	11.000.000.000	(11.000.000.000)	-	11.000.000.000	(2.142.249.650)	8.857.750.350
Cộng	114.664.210.466	(102.813.487.124)	11.850.723.342	114.664.210.466	(34.332.388.802)	80.331.821.664

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	SỐ ĐẦU NĂM	GIẢM DO THOÁI VỐN	LÃI LỖ CÔNG TY LIÊN KẾT	CHI TRẢ CỔ TỨC	GIẢM DO CÔNG TY LIÊN KẾT TRÍCH LẬP QUỸ	SỐ CUỐI NĂM
Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam	59.999.400.000	(59.999.400.000)	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	11.474.671.314	-	1.173.529.978	(604.141.200)	(193.336.750)	11.850.723.342
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	8.857.750.350	(8.857.750.350)	-	-	-	-
Cộng	80.331.821.664	(68.857.150.350)	1.173.529.978	(604.141.200)	(193.336.750)	11.850.723.342

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Ngày 20 tháng 2 năm 2020, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ số vốn góp tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà Vinh. Do vậy, tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần PJ Mercury Việt Nam không còn là Công ty liên kết của Tập đoàn.

Ngày 29 tháng 10 năm 2020, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen cho Công ty TNHH Wegen Viet Nam Holdings theo Nghị quyết số 40/2020/NQ-SH ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Hội đồng Quản trị và hợp đồng chuyển nhượng số 06/2020/CNVG/SH-Wegen. Do vậy, tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen không còn là Công ty liên kết của Tập đoàn.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen		
Góp vốn bằng tiền vào Sơn Hà - Wegen	-	11.000.000.000
Bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Sơn Hà - Wegen	659.496.965	122.798.994
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa của Sơn Hà Wegen	3.820.655.718	-
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn		
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa của Sơn Hà Wegen	604.141.200	523.589.040



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Là khoản đầu tư vào 271.000 cổ phiếu của Công ty Bất động sản Havico.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải thu các bên liên quan	16.469.792.286	19.830.828.382
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	11.017.585.278	13.884.180.981
Công ty Cổ phần Đầu tư LGC Việt Nam (trước là Công ty Cổ phần Hiway Việt Nam)	-	563.841
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	571.840.281	1.012.637.026
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại tổng hợp Sơn Hà	4.384.588.727	4.384.588.727
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ SAKURA	99.000.000	99.000.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	99.000.000	198.000.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	297.778.000	132.778.000
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	-	119.079.807
Phải thu các khách hàng khác	1.640.977.368.595	1.309.488.259.104
Công ty TNHH Kinh doanh Tổng hợp Đại An	239.026.432.242	149.152.612.352
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng	296.025.458.661	156.644.890.533
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xuyên Thái Bình Dương	154.268.468.157	157.640.112.031
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Phát triển Thiên Phú	140.575.583.488	85.724.113.913
Các khách hàng khác	811.081.426.047	760.326.530.275
Cộng	1.657.447.160.881	1.329.319.087.486

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng (*)	-	50.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh	28.883.749.447	-
Công ty Cổ phần Thương mại XNK Minh Ngọc	23.355.550.863	-
Các nhà cung cấp khác	52.738.031.105	50.139.578.185
Cộng	104.977.331.415	100.139.578.185

(*) Là khoản trả trước theo Hợp đồng số 03/2019/TMC-CH ngày 01 tháng 12 năm 2019 được ký kết giữa Công ty với Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Chấn Hưng. Theo Hợp đồng này, Công ty sẽ thanh toán trước cho bên bán 50.000.000.000 VND ngay sau khi ký Hợp đồng. Số tiền đặt cọc này sẽ được trừ dần vào mỗi lần giao hàng. Ngày 19 tháng 12 năm 2019, Công ty đã chuyển tiền ứng trước theo Hợp đồng này. Từ ngày 14 tháng 02 năm 2020 đến ngày 20 tháng 8 năm 2020, Công ty đã thực hiện nhập mua hàng từ Chấn Hưng với tổng giá trị là 55.000.000.000 VND, toàn bộ số tiền đặt cọc đã được trừ vào tiền mua hàng trong năm.

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Đại lý Nguyễn Thị Mai (Nam Hồng) Hà Nam	-	10.000.000.000
Đại lý Nguyễn Thị Khuyên Luyện - Văn Giang Hưng Yên	-	9.500.000.000
Đại lý Đinh Duy Tuấn - Hà Nội	-	15.000.000.000
Đại lý Lê Bích Thủy - Lào Cai	-	8.000.000.000
Ông Vũ Mạnh Rinh	-	11.335.900.000
Cho vay cá nhân khác	912.000.000	-
Cộng	912.000.000	53.835.900.000

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	52.994.750	-	1.173.017.936	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Hanssem Việt Nam	31050.459.000	-	50.459.000	-
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	-	-	119.970	-
Công ty Cổ phần Đầu tư LGC Việt Nam	-	-	502.488.849	-
Tiền thuê xe, tiền lãi dự thu	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	-	-	617.414.367	-
Cá nhân có liên quan	2.535.750	-	2.535.750	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	126.442.168.692	(3.695.556.309)	137.884.451.951	-
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000	-	536.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000	-	536.000.000	-
Lưu Quốc Bảo - tạm ứng mua hàng	-	-	2.994.384.000	-
Bà Đào Thị Thảo - tạm ứng dự án	10.510.163.760	-	-	-
Ông Nguyễn Hữu Tuấn - tạm ứng dự án	7.999.990.000	-	-	-
Tạm ứng của cá nhân khác	5.601.750.980	-	6.766.352.769	-
Ký cược, ký quỹ	11.142.849.380	-	7.550.810.407	-
Tiền đặt cọc dự án - Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc (*)	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
Ông Vũ Trọng Minh (**)	-	-	35.000.000.000	-
Phải thu nhân viên kinh doanh	7.855.636.827	-	6.063.658.602	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	47.259.777.745	(3.695.556.309)	43.437.246.173	-
Cộng	126.495.163.442	(3.695.556.309)	139.057.469.887	-

(*) Là khoản tiền chuyển cho Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/2019/TMC-MN ngày 10 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty với Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc. Theo Hợp đồng này, Công ty đặt cọc khoản tiền 35.000.000.000 VND để đảm bảo giữ chỗ quyền mua lô đất có diện tích 3ha thuộc dự án "Xây dựng Cụm công nghiệp Thụy Lâm" nằm trong khu đất Dự án Cụm công nghiệp Thụy Lâm, xã Thụy Lâm, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội mà Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc là đồng chủ đầu tư dự án. Thời gian đặt cọc là 180 ngày. Ngày 19 tháng 12 năm 2019, Công ty đã chuyển tiền đặt cọc theo Hợp đồng này.

Ngày 06 tháng 5 năm 2020, Công ty đã ký phụ lục hợp đồng số 01/2020/PLTMC-MN về việc gia hạn thực hiện hợp đồng này tới đa đến ngày 31 tháng 3 năm 2022.

(**) Là số tiền ứng 50% theo Hợp đồng khoán việc số 05/2019/HĐKV-SHK ngày 15 tháng 12 năm 2019 giữa Công ty Cổ phần Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà với ông Vũ Trọng Minh. Theo Hợp đồng này Công ty Cổ phần Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà giao cho ông Minh kiểm tra, đàm phán ký hợp đồng mua và hoàn tất các thủ tục để Công ty Cổ phần Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà sở hữu lô đất có diện tích 14.303 m² (theo Giấy phép xây dựng do Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk cấp năm 2017) tại Khu công nghiệp Hòa Bình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6b. Phải thu dài hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	4.120.701.105	-	3.785.756.401	-
Lê Trần Trọng Thái	795.402.233	(795.402.233)	795.402.233	(795.402.233)
Cộng	4.916.103.338	(795.402.233)	4.581.158.634	(795.402.233)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Thời gian quá hạn	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Kim loại Việt	trên 3 năm	3.540.903.520	(3.540.903.520)	trên 3 năm	3.540.903.520
Công ty TNHH Inox Hùng Anh	trên 3 năm	1.891.351.348	(1.891.351.348)	trên 3 năm	1.891.351.348
Các đối tượng khác	từ 6 tháng đến trên 3 năm	6.622.357.667	(5.947.353.183)	trên 3 năm	4.520.902.134
Cộng		12.054.612.535	(11.379.608.051)	9.953.157.002	(9.640.333.590)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	8.844.931.357	795.402.233	9.640.333.590
Trích lập dự phòng bổ sung	1.739.274.461	-	1.739.274.461
Số cuối năm	10.584.205.818	795.402.233	11.379.608.051

8. Hàng tồn kho

	SỐ CUỐI NĂM		SỐ ĐẦU NĂM	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	64.846.224.502	-	71.877.702.089	-
Nguyên liệu, vật liệu (*)	403.551.994.672	-	449.528.332.006	(966.553.144)
Công cụ, dụng cụ	9.430.748.578	-	13.018.863.818	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.379.090.284	-	4.635.599.425	-
Thành phẩm	190.507.951.293	-	187.432.265.987	(810.668.673)
Hàng hóa	375.388.258.399	-	325.920.755.325	-
Hàng gửi bán	72.025.591	-	135.080.982	-
Cộng	1.053.176.293.319	-	1.052.548.599.632	(1.777.221.817)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	1.777.221.817	1.598.089.751
Trích lập dự phòng bổ sung	-	1.011.167.699
Hoàn nhập dự phòng	(1.777.221.817)	(832.035.633)
Số cuối năm	-	1.777.221.817

Một số nguyên liệu vật liệu và bán thành phẩm tồn kho tại kho Nhà máy Phùng, giá trị tại 31/12/2020 là 137.488.031.370 VND đã được dùng thế chấp để bảo đảm các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân Đội – chi nhánh Thăng Long, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Thanh Xuân và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoài Đức (xem thuyết minh số V.20a).

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Chi phí bảo hiểm	817.160.301	606.913.055
Công cụ dụng cụ	981.912.156	2.454.983.069
Chi phí quảng cáo	190.310.344	645.314.758
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	4.400.306.313	4.013.542.149
Chi phí hàng nhập khẩu	74.130.400	262.538.846
Chi phí dự án	3.037.910.806	-
Chi phí sửa chữa	1.060.079.114	324.359.780
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.264.813.040	3.404.882.349
Cộng	13.826.622.474	11.712.534.005

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Công cụ dụng cụ	11.651.917.852	16.735.105.813
Chi phí thuê nhà, thuê kho, xưởng	40.032.658	2.549.879.236
Chi phí thuê đất	50.171.506.080	51.182.471.462
Chi phí giải phóng, san lấp mặt bằng	4.119.552.098	4.198.709.039
Sửa chữa, cải tạo thiết bị, văn phòng	7.070.460.038	3.590.707.887
Chi phí quảng cáo	2.536.039.299	29.007.014
Showroom	66.863.099.276	86.452.610.000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	14.061.256.459	2.359.382.517
Cộng	156.513.863.760	167.097.872.968

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

10. Tài sản cố định hữu hình

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	THIẾT BỊ, DỤNG CỤ QUẢN LÝ	CỘNG
Nguyên giá					
Số đầu năm	356.554.825.292	508.361.367.959	145.415.556.186	14.461.174.850	1.024.792.924.287
Mua trong năm	10.381.406.508	5.796.753.025	7.742.430.138	281.954.075	24.202.543.746
Đầu tư XD/CB hoàn thành	75.877.797.385	32.821.485.311	841.707.700	38.863.636	109.579.854.032
Tăng do chênh lệch tỷ giá	681.258.092	677.447.790	64.515.000	62.035.165	1.485.256.047
Tăng/giảm theo kiểm toán xây dựng cơ bản	977.404.501	(4.136.485.511)	3.417.228.815	-	258.147.805
Thanh lý, nhượng bán	-	(587.263.076)	(248.077.331)	(32.636.364)	(867.976.771)
Giảm do hợp nhất	(52.407.674)	(337.672.450)	(22.665.700)	(8.210.125)	(420.955.949)
Số cuối năm	444.420.284.104	542.595.633.048	157.210.694.808	14.803.181.237	1.159.029.793.197
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>8.666.280.388</i>	<i>81.369.496.091</i>	<i>9.513.707.975</i>	<i>7.522.023.840</i>	<i>107.071.508.294</i>
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	67.803.736.405	277.052.334.036	53.370.703.975	9.334.737.930	407.561.512.346
Khấu hao trong năm	21.910.690.681	38.347.500.608	13.869.776.859	1.315.307.751	75.443.275.899
Tăng do chênh lệch tỷ giá	186.105.813	115.399.277	19.514.243	15.033.077	336.052.410
Thanh lý, nhượng bán	-	(17.593.893)	(248.077.331)	(6.527.280)	(272.198.504)
Giảm do hợp nhất	-	-	(10.333.136)	-	(10.333.136)
Số cuối năm	89.900.532.899	315.497.640.028	67.001.584.610	10.658.551.478	483.058.309.015
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	288.751.088.887	231.309.033.923	92.044.852.211	5.126.436.920	617.231.411.941
Số cuối năm	354.519.751.205	227.097.993.020	90.209.110.198	4.144.629.759	675.971.484.182

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 251.596.570.725 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.20).

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	CỘNG
Nguyên giá			
Số đầu năm	22.655.651.475	27.510.449.546	50.166.101.021
Mua trong năm	4.808.100.873	13.338.596.491	18.146.697.364
Trả lại tài sản thuê tài chính	-	(647.942.545)	(647.942.545)
Giảm khác	-	(26.338.912)	(26.338.912)
Số cuối năm	27.463.752.348	40.174.764.580	67.638.516.928

	MÁY MÓC THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN	CỘNG
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	2.526.243.720	4.290.383.552	6.816.627.272
Khấu hao trong năm	3.275.359.587	4.495.838.693	7.771.198.280
Trả lại tài sản thuê tài chính	-	(313.568.019)	(313.568.019)
Giảm khác	-	(1.975.440)	(1.975.440)
Số cuối năm	5.801.603.307	8.470.678.786	14.272.282.093
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	20.129.407.755	23.220.065.994	43.349.473.749
Số cuối năm	21.662.149.041	31.704.085.794	53.366.234.835

Theo các hợp đồng thuê tài sản, Tập đoàn được quyền mua lại tài sản khi kết thúc thời hạn thuê.

12. Tài sản cố định vô hình

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	CHƯƠNG TRÌNH PHẦN MỀM	CỘNG
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.094.043.597	6.472.442.089	25.566.485.686
Mua trong năm	-	731.790.000	731.790.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	14.897.100	14.897.100
Số cuối năm	19.094.043.597	7.219.129.189	26.313.172.786
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>-</i>	<i>3.086.943.277</i>	<i>3.086.943.277</i>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.782.981.070	3.908.548.140	8.691.529.210
Khấu hao trong năm	539.242.944	871.509.128	1.410.752.072
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	4.573.766	4.573.766
Số cuối năm	5.322.224.014	4.784.631.034	10.106.855.048
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.311.062.527	2.563.893.949	16.874.956.476
Số cuối năm	13.771.819.583	2.434.498.155	16.206.317.738

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 9.688.381.052 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng thương mại (xem thuyết minh số V.20).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	SỐ ĐẦU NĂM	CHI PHÍ PHÁT SINH TRONG NĂM	KẾT HUYỂN TĂNG TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	KẾT CHUYỂN VÀO CHI PHÍ TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Mua sắm tài sản cố định	583.922.459	1.485.907.206	(1.122.433.966)	(583.922.459)	363.473.240
Xây dựng cơ bản dở dang	112.482.897.491	155.301.969.693	(109.838.001.837)	(11.691.467.652)	146.255.397.695
Dự án Bắc Cổ Nhuế - Chèm (i)	4.750.000.000	-	-	-	4.750.000.000
Dự án nước Hà Đông	50.063.644.956	11.495.502.228	(258.147.805)	(6.655.062.555)	54.645.936.824
Dự án Văn Côn An Thượng (ii)	42.411.248.677	18.390.574.369	(57.159.166.862)	(3.642.656.184)	-
Dự án 3 xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai (iii)	4.289.193.182	55.139.744.948	-	-	59.428.938.130
Dự án KCN Tam Dương	1.007.578.440	1.485.296.911	-	-	2.492.875.351
Dự án làm sạch nước (khu thiết ứng Đông Anh)	837.273.338	10.194.311.303	-	-	11.031.584.641
Dự án khác	9.123.958.898	58.596.539.934	(52.420.687.170)	(1.393.748.913)	13.906.062.749
Cộng	113.066.819.950	156.787.876.899	(110.960.435.803)	(12.275.390.111)	146.618.870.935

Công trình xây dựng dở dang được thế chấp với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc năm tài chính là 54.645.936.824 VND (số đầu năm là 92.474.893.633 VND) để đảm bảo cho các khoản phát hành trái phiếu (xem thuyết minh số V.20).

(i) Dự án tại lô đất D2 - CT1, Khu vực Bắc Cổ Nhuế - Chèm, quận Bắc Từ Liêm đã quá hạn để làm các thủ tục đầu tư và được UBND Thành phố Hà Nội chỉ đạo Sở kế hoạch đầu tư Hà Nội làm thủ tục hủy bỏ kết quả đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Cho đến thời điểm hiện tại chưa có văn bản chính thức của các Sở ban ngành về việc xử lý số tiền Công ty đã nộp vào Ngân sách nhà nước.

(ii) Dự án xây dựng mạng lưới cấp nước 02 xã Văn Côn, An Thượng thuộc Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại quyết định 7246/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 và được chấp thuận chủ trương thực hiện dự án bằng hình thức hợp tác kinh doanh tại quyết định 3590/UBND- DT ngày 24/7/2017. Tiến độ thực hiện theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư nêu trên và điều khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh số 876/2017/HĐ HTKD - NHD - SONHA ngày 02/8/2017 giữa Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội, đưa dự án vào hoạt động trong năm 2017. Dự án đã được kiểm toán quyết toán hoàn thành trong năm 2019.

(iii) Dự án xây dựng mạng lưới cấp nước sạch liên xã Bình Minh, Thanh Cao, Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định 709/QĐ - UBND ngày 11/02/2019 với liên doanh 2 nhà thầu Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà. Theo quyết định số 1466/QĐ - UBND ngày 13/4/2020 của UBND thành phố Hà Nội thì dự án sẽ hoàn thành trong quý 3/2020 (công tác thi công hoàn thành trong Quý 2/2020). Tuy nhiên, do ảnh hưởng bởi dịch bệnh, ngày 19/11/2020 UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Công văn số 10090/VP-ĐT về việc chấp thuận cho phép liên doanh 2 nhà thầu Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Đông và Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà giãn tiến độ thực hiện dự án đến hết ngày 31/3/2021.

14. Lợi thế thương mại

Là khoản lợi thế thương mại khi ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà và Công ty Cổ phần Sản xuất - Kinh doanh Toàn Mỹ. Chi tiết như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	5.413.151.243	6.126.267.483
Số phân bổ trong năm	(713.116.240)	(713.116.240)
Số cuối năm	4.700.035.003	5.413.151.243

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả các bên liên quan	2.742.975.564	5.526.394.275
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	2.712.402.125	5.495.820.836
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	30.573.439	30.573.439
Phải trả các nhà cung cấp khác	351.470.804.362	237.993.295.132
Công ty TNHH POSCO VST	94.730.812.208	60.929.615.546
Công ty TNHH Thương mại Inox Nhật Minh	-	16.830.525.121
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Ngọc	-	8.920.840.598
Công ty TNHH MTV Nước Sạch Hà Đông	29.178.576.517	11.685.919.511
Công ty Hyosung TNC Corporation	48.367.442.116	-
Canadian Solar South East Asia PTE Ltd	9.940.525.468	-
Ningbo Ningshing Trading Group Inc	10.570.044.230	10.106.855.048
Các nhà cung cấp khác	158.683.403.823	139.626.394.356
Cộng	354.213.779.926	243.519.689.407

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Depo Bangunan (Indonesia)	-	1.323.146.710
Metallica Metals India	2.411.209.980	593.997.705
Các khách hàng khác	42.238.071.714	12.246.807.996
Cộng	44.649.281.694	14.163.952.411

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An đang được hưởng ưu đãi với thuế suất ưu đãi là 10%.

Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh và Công ty TNHH MTV Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà được miễn thuế trong 02 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo.

Các công ty khác trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo Thông báo của Cục thuế Thành phố Hà Nội với diện tích 8.793 m² đất tại lô CN1 Cụm Công nghiệp Từ Liêm, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội với đơn giá 11.567 VND/m²; diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội với đơn giá 45.020 VND/m².

Đối với diện tích 44.800 m² tại cụm công nghiệp thị trấn Phùng, theo công văn số 1457/CCT-NVQLT ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thuế Huyện Đan Phượng, Công ty được phép chuyển số tiền thuế đã nộp vào ngân sách nhà nước trong thời gian được miễn tiền thuê đất (từ ngày 8/11/2006 đến 05/7/2007 và từ ngày 25/8/2007 đến 06/6/2008) sang tiền thuê đất của năm 2020 là 2.016.896.000 VND và năm 2021 là 714.970.000 VND.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

	SỐ ĐẦU NĂM		SỐ PHÁT SINH TRONG NĂM			SỐ CUỐI NĂM	
	PHẢI NỘP	PHẢI THU	SỐ PHẢI NỘP	SỐ ĐÃ THỰC NỘP	TĂNG/GIẢM KHÁC	PHẢI NỘP	PHẢI THU
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.810.311.194	17.978.935	55.642.142.762	(57.458.653.066)	49.929.339	7.045.820.266	20.068.972
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	136.978.473.859	(136.978.473.859)	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	333.472.939	1.040.877.237	(1.102.926.648)	(21.720.461)	-	417.242.811
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	12.835.912.793	(12.835.912.793)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.976.445.416	718.098.471	36.296.186.439	(40.444.806.124)	(5.509.358)	13.948.427.275	844.209.373
Thuế thu nhập cá nhân	1.322.118.057	138.930.571	7.600.965.178	(6.000.369.657)	5.735.859	2.961.581.834	172.062.968
Thuế tài nguyên	92.497.800	-	2.199.991.565	(2.014.626.365)	-	277.863.000	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	91.020.850	162.212.041	(71.191.191)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	825.008.360	(824.008.360)	-	-	2.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.005.333	-	2.987.632.154	(2.987.632.154)	391.152	6.396.485	-
Cộng	28.207.377.800	1.302.501.766	256.569.402.388	(260.718.600.217)	28.826.531	24.240.088.860	1.455.584.124

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Tiền lương phép phải trả	-	1.115.687.971
Chi phí lãi vay phải trả	3.537.880.184	3.121.493.039
Phải trả các khoản thưởng Nhà phân phối	476.737.929	1.070.660.862
Chi phí hàng khuyến mại	1.229.296.250	1.635.754.743
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn dự án	979.937.694	568.476.888
Trích trước chi phí đầu tư xây dựng cơ bản	20.321.351.958	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	8.891.089.206	9.053.656.566
Cộng	35.436.293.221	16.565.730.069

19. Phải trả khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Phải trả các bên liên quan	445.689.600	-
Ông Lê Vĩnh Sơn	445.689.600	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	427.916.074.385	235.539.630.366
Tài sản thừa chờ giải quyết	4.809.388	-
Kinh phí công đoàn	1.782.185.480	1.483.504.530
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	41.944.288	83.753.607
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	693.642.700	370.773.264
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	62.971.317.194	53.910.140.631
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân	269.994.888.528	166.012.622.681
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức	8.499.168.858	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	35.195.990.340	-
Đặt cọc dự án nước Văn Cồn An Thượng	-	8.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	48.732.127.609	5.678.835.653
Cộng	428.361.763.985	235.539.630.366

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.891.874.239.847	1.852.265.915.764
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	673.907.173.070	677.753.094.035
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức (ii)	517.926.012.608	565.863.855.674
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (iii)	118.907.746.753	119.960.588.554
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương (iv)	45.950.667.753	55.467.030.020
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (v)	16.087.896.631	23.764.077.977
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (vi)	148.701.054.315	99.759.291.050
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (vii)	31.959.608.451	29.588.553.400
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Ba Đình (viii)	-	111.985.745.764
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa (ix)	82.785.184.660	129.638.460.503
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hồ Gươm (x)	94.086.234.865	14.227.699.377
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Tây Hà Nội (xi)	26.395.428.860	20.683.046.110
Ngân hàng Thương mại TNHH E.Sun - Chi nhánh Đồng Nai (xii)	43.493.342.629	-
Ngân hàng First Commercial Bank - Chi nhánh Hà Nội (xiii)	45.925.850.125	-
Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (xiv)	45.748.039.127	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yangon	-	3.574.473.300
Vay ngắn hạn các cá nhân	3.702.500.000	785.000.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	86.710.374.316	83.035.472.300
Vay Quỹ đầu tư phát triển đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	250.000.000	-
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	15.619.694.348	11.814.107.844
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	21.803.375.000	22.000.000.000
Cộng	2.019.960.183.511	1.969.900.495.908

Các khoản vay tại Công ty mẹ

- (i) Các khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2020/147831/HĐTD ngày 25/9/2020 với tổng hạn mức tín dụng 720.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong năm từ 6,5% - 7,5%/năm, điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (ii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/147831/HĐTD ngày 25/9/2020 với tổng hạn mức tín dụng 480.000.000.000 VND mục đích để tài trợ vốn lưu động, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong năm từ 6,00 - 7,00%/năm, điều chỉnh theo thông báo của bên cho vay, tài sản đảm bảo là các khoản cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ được giao kết trước ngày hợp đồng vay.
- (iii) Các khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 200017/HM/NHNTHD ngày 25 tháng 3 năm 2020 với hạn mức 120.000.000.000 VND, mục đích tài trợ tín dụng ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đã nhân tạo nhưng không bao gồm nhu cầu phục vụ cho hoạt động đầu tư tài sản cố định, lãi suất cho vay tại ngày ký hợp đồng là 8,0% - 8,5%/năm được điều chỉnh theo thông báo của ngân hàng, thời hạn vay 06 tháng, tài sản đảm bảo là các phương tiện vận tải và máy móc thiết bị của công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các khoản vay tại Công ty mẹ

- (vi) Các khoản vay theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT320-SONHA ngày 23 tháng 11 năm 2020 với tổng hạn mức 150.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, lãi suất 6,7% - 7,0%/năm, thời hạn duy trì hạn mức từ 23/11/2020 đến hết ngày 16/11/2021, tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất và bất động sản.
- (viii) Các khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 26136.19.086.588663.TD ngày 08 tháng 5 năm 2019 với hạn mức 200.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất cho vay trong năm từ 6,60%/năm đến 6,80%/năm, thời hạn vay 06 tháng cụ thể theo từng Giấy nhận nợ, tài sản đảm bảo là các giấy tờ có giá và các bất động sản của công ty.
- (x) Các khoản vay theo Hợp đồng sử dụng hạn mức tối ưu thanh khoản từng lần với hạn mức tối ưu thanh khoản tối đa bằng 95% tổng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để bảo đảm cho hạn mức tối ưu thanh khoản tại thời điểm xác định hạn mức tối ưu thanh khoản, lãi suất 9,00%/năm, thời hạn vay 12 tháng, tài sản đảm bảo hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mở tại chính Ngân hàng này, số dư tiền gửi có kỳ hạn tại 31/12/2020 là 40.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.2).
- (xi) Các khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng số 125/2020/HĐTD/TTKH KMA/01 ngày 08 tháng 12 năm 2020 với hạn mức cho vay 150.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, lãi suất 6,0% - 6,5%/năm theo từng Giấy nhận nợ, khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (xii) Các khoản vay theo Thỏa thuận tín dụng số 10000693LD001202049 ngày 06 tháng 10 năm 2020 với hạn mức tín dụng 2.000.000 USD với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ các hoạt động sản xuất của Công ty, thời hạn sử dụng hạn mức tín dụng là 1 năm kể từ ngày 22/09/2020, tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mở tại chính Ngân hàng này, số dư tiền gửi có kỳ hạn tại 31/12/2020 là 13.200.000.000 VND (xem thuyết minh số V.2).
- (xiii) Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng có hạn mức số 30200134 ngày 08 tháng 12 năm 2020 với hạn mức tín dụng 2.000.000 USD, mục đích sử dụng để nhập khẩu và/hoặc mua nội địa nguyên liệu, hàng hóa nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 1 năm kể từ ngày 26/11/2020, tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mở tại chính Ngân hàng này, số dư tiền gửi có kỳ hạn tại 31/12/2020 là 9.300.000.000 VND (xem thuyết minh số V.2).

Các khoản vay tại Công ty TNHH MTV SSP Việt Nam

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng số 01/2020/7989546/HĐTD ngày 26/05/2020, hạn mức tín dụng 235.000.000.000 VND, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng việc thế chấp bằng tài sản có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 482.717.666 VND (tại thời điểm 01/01/2020 là 1.551.604.408 VND) và nguyên vật liệu, bán thành phẩm tại thời điểm thế chấp là 137.488.031.370 VND (xem thuyết minh số V.8).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/7989546/HĐTD ngày 26/05/2020 với tổng hạn mức 100.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được đảm bảo chung bằng tài sản là nguyên vật liệu, bán thành phẩm đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh theo Hợp đồng số 20.62.001/2020-HĐCVHM/NHCT264-SON HA SSP ngày 15/09/2020 với tổng hạn mức 32.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm thép không gỉ. Lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng bằng Văn bản cam kết của Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà và điều kiện, không hủy ngang toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đầy đủ và đúng hạn cho bên vay tại bên cho vay và toàn bộ trái phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (xem thuyết minh số V.2).

- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng cấp tín dụng số 50678.20.058.2475643.TD ngày 6/10/2020, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 6 tháng, mục đích bổ sung vốn lưu động, mở LC phục vụ lĩnh vực sản xuất kinh doanh ống thép Inox. Hạn mức bao gồm: Hạn mức cho vay là 170.000.000.000 VND và hạn mức L/C (không bao gồm L/C xuất) là 230.000.000.000 VND, khoản vay được bảo đảm bằng giấy tờ có giá là 1.120.000 Cổ phiếu SHI của Ông Lê Vĩnh Sơn - Chủ tịch Công ty, hàng tồn kho luân chuyển thành phẩm ống thép tại kho Nhà máy Phùng.
- (xi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội theo Hợp đồng vay số 134/2020/HĐTD/TTKD KM/01 ngày 25/12/2020 với tổng hạn mức là 50.000.000.000 VNĐ, mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm như ống thép Inox, hộp thép Inox,... Lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (xiv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 123/2020/HĐTD ngày 18/06/2020 với tổng hạn mức 100.000.000.000 VND, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, mục đích tài trợ nhập khẩu, tiền điện và tiền lương nhân công, tiền thuế nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh Inox của Khách hàng. Lãi suất theo từng khối ước nhận nợ, thời hạn không quá 6 tháng. Khoản vay được đảm bảo chung bằng tài sản là tiền gửi, bất động sản.

Các khoản vay tại Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ

- (i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với hạn mức 50.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2019. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là một số ô tô của đơn vị, lãi suất 7%/năm.
- (v) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với hạn mức tín dụng là 80 tỷ VND để tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại nhà xưởng Bình Dương 1 theo Hợp đồng thế chấp số 214TC17 ngày 11 tháng 10 năm 2017, các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (xem thuyết minh V.2a) và phương tiện vận tải (xem thuyết minh V.10).

Bao gồm các khoản vay:

- Khoản vay của Công ty TNHH MTV Toàn Mỹ Miền Trung theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT440-TOANMY ngày 12/05/2020, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản cố định là phương tiện vận tải của công ty.
- Khoản vay của Công ty TNHH MTV Sơn Hà Nghệ An với hạn mức 25.000.000.000 VND để bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 22 tháng 07 năm 2020. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là một số ô tô của đơn vị, lãi suất từ 6,8%/năm - 7%/năm.

Các khoản vay tại Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

- (i) Khoản vay tín chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh thanh toán, mở L/C với lãi suất từ 6,8%-7%/năm, kỳ hạn 6 tháng theo từng giấy nhận nợ, lãi trả hàng tháng và khoản gốc vay cuối cùng đáo hạn ngày 22 tháng 6 năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các khoản vay tại Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	SỐ ĐẦU NĂM	SỐ TIỀN VAY PHÁT SINH TRONG NĂM	KẾT CHUYỂN TỪ VAY VÀ NỢ DÀI HẠN	SỐ TIỀN VAY ĐÃ TRẢ TRONG NĂM	SỐ CUỐI NĂM
Vay ngắn hạn ngân hàng	785.000.000	4.533.500.000	-	(1.616.000.000)	3.702.500.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.852.265.915.764	4.378.916.840.529	-	(4.339.308.516.446)	1.891.874.239.847
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	83.035.472.300	-	56.273.502.296	(52.598.600.280)	86.710.374.316
Vay dài hạn Quỹ đầu tư phát triển dài hạn đến hạn trả	-	-	250.000.000	-	250.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	11.814.107.844	-	15.619.694.348	(11.814.107.844)	15.619.694.348
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	22.000.000.000	-	21.803.375.000	(22.000.000.000)	21.803.375.000
Cộng	1.969.900.495.908	4.383.450.340.529	93.946.571.644	(4.427.337.224.570)	2.019.960.183.511

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Vay dài hạn ngân hàng	135.554.531.187	174.749.094.733
Ngân hàng TMCP Công thương Nghệ An (i)	8.801.000.000	2.214.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	48.320.953.879	54.020.953.879
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (iii)	25.043.423.778	28.109.951.778
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Đức (trước là Chi nhánh Hà Tây) (iv)	45.999.153.530	87.999.153.530
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (v)	7.390.000.000	2.259.102.946
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa (vi)	-	145.932.600
Nợ thuê tài chính	32.414.069.134	30.860.272.979
Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP ACB	-	627.337.988
Công ty cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	3.625.742.000	7.719.014.000
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN Hà Nội	22.040.275.721	22.513.920.991
Công ty TNHH cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	6.748.051.413	-
Trái phiếu thường dài hạn	-	21.606.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (vii)	-	21.606.750.000
Vay dài hạn các tổ chức khác	43.360.052.877	-
Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Nội	43.360.052.877	-
Cộng	211.328.653.198	227.216.117.712

Các khoản vay tại Công ty mẹ

(ii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo hợp đồng tín dụng số 85/17/KHD-N/TDN/VCBHT-SH ngày 29 tháng 8 năm 2017 mục đích thực hiện dự án Xây dựng trạm xử lý nước Dương Nội, quận Hà Đông, công suất 30.000 m3/ngày, dư nợ vay tối đa là 100.000.000.000 VND, thời hạn vay: 15 năm, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành trong tương lai từ dự án Xây dựng Trạm xử lý nước Dương Nội, Hà Đông có công suất 30.000 m3/ngày và các hạng mục có liên quan (xem thuyết minh số V.13).

(iii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hợp đồng số 62/2017 ngày 29 tháng 12 năm 2017 mục đích thanh toán các chi phí để thực hiện hợp tác kinh doanh dự án "Xây dựng mạng lưới cấp nước liên xã Văn Côn - An Thượng", dư nợ vay tối đa 57.513.000.000 VND và không vượt quá 62,5% tổng mức đầu tư của dự án, thời hạn vay 144 tháng kể từ ngày giải ngân tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản phát sinh từ dự án hợp tác đầu tư.

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo các hợp đồng tín dụng trong năm 2014 với mục đích đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân, thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(v) Trái phiếu thường và có đảm bảo được phát hành cho Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với kỳ hạn 5 năm, mệnh giá 110.000.000.000 VND. Lãi suất cho kỳ tính lãi đầu tiên là 9,8%/năm, cho các kỳ tính lãi tiếp theo là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau bằng VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - chi nhánh Sở Giao dịch cộng với 3,15%/năm. Mục đích phát hành là để thực hiện xây dựng nhà máy Sơn Hà Nghệ An và dự án thi công các Showroom của Công ty.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất; máy móc thiết bị và phương tiện vận tải thuộc Dự án Xây dựng Nhà máy Sơn Hà Nghệ An.

Khoản vay tại Công ty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam

- (v) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bao gồm 2 hợp đồng:
- Hợp đồng tín dụng số 02/2019/7989546/HĐTD ngày 18/10/2019 mục đích mua sắm tài sản cố định là 2 xe ô tô, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 1.841.537.044 VND.
 - Hợp đồng tín dụng số 03/2019/7989546/HĐTD ngày 5/12/2019 mục đích mua sắm tài sản, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành từ khoản vay.
- (vi) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 18024.16.058.2475643.TD, mục đích để đầu tư máy móc thiết bị, phương tiện vận tải mới phục vụ 100% nhu cầu đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay đối với phương tiện vận tải là tối đa 60 tháng, đối với máy móc thiết bị là tối đa 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định tại thời điểm giải ngân. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2020 là 4.968.114.868 VND (tại thời điểm 01/01/2020 là 6.116.500.744 VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ

- (i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Nghệ An bao gồm 2 hợp đồng:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/HĐCVDADT/NHCT440-TOANMY ngày 31/01/2018 để phục vụ thanh toán các chi phí cho dự án Cải tạo và xây dựng xưởng sản xuất, nhà ăn, mua máy móc thiết bị của nhà máy Toàn Mỹ, thời gian vay 60 tháng, tài sản đảm bảo là toàn bộ máy móc thiết bị hình thành tài sản trong tương lai của Nhà máy.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2020/HĐCVDADT/NHCCT440-TOANMY ngày 29/04/2020 để phục vụ thanh toán các chi phí cho dự án đầu tư hệ thống Pin năng lượng mặt trời công suất 310kWp, thời gian vay 36 tháng. Tài sản đảm bảo được quy định theo hợp đồng thế chấp động sản số 01/2020/HĐBĐ/NHCT440-TOANMY ngày 28 tháng 4 năm 2020 bao gồm hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất 310Kwp; các quyền, lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm đối với các tài sản nêu trên, bao gồm quyền nhận tiền bảo hiểm, bồi thường và tất cả các quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác để trao đổi, thay đổi, thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến bất kỳ tài sản nào được đề cập trên.
- (iii) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Hoài Đức bao gồm 2 hợp đồng:
- Khoản vay của Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc theo hợp đồng số 01/2017/8799911/HĐTD ngày 10/3/2017, mục đích vay để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị gia dụng tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành II, tỉnh Bắc Ninh, lãi suất 10%/năm áp dụng từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/3/2017 và các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc tài sản hình thành từ vốn vay.
 - Khoản vay của Công ty Cổ phần Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoài Đức theo hợp đồng số 01/2017/9309762/HĐTD ngày 10 tháng 3 năm 2017, mục đích để đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị nhà bếp tại khu công nghiệp, đô thị Thuận Thành II, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, với lãi suất 10%/năm áp dụng từ thời điểm giải ngân đến ngày 31/3/2017 và các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Khoản vay tại Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

- (i) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Nghệ An với thời hạn vay là 07 năm, lãi suất 8,9%/năm, mục đích huy động vốn đầu tư vào Dự án đầu tư hệ thống năng lượng Mặt trời. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mở tại ngân hàng này và máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư hệ thống năng lượng Mặt trời với giá trị tạm tính tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp là 13,3 tỷ VND.
- (iv) Khoản vay tín chấp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với thời hạn vay là 07 năm, mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh, Lãi suất kỳ đầu tiên từ ngày giải ngân tới 31/12/2021 là 8%/năm. Các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng tại ngân hàng cộng biên độ 3,5%/năm. Gốc vay được trả 03 tháng 01 lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 6 năm 2021 và đáo hạn vào 25 tháng 12 năm 2027, tiền lãi được trả vào ngày 25 hàng tháng.
- Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	TỔNG NỢ	TỪ 1 NĂM TRỞ XUỐNG	TRÊN 1 NĂM ĐẾN 5 NĂM	TRÊN 5 NĂM
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	222.264.905.503	86.710.374.316	135.554.531.187	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	43.610.052.877	250.000.000	43.360.052.877	-
Nợ thuê tài chính	48.033.763.482	15.619.694.348	32.414.069.134	-
Trái phiếu thường	21.803.375.000	21.803.375.000	-	-
Cộng	335.712.096.862	124.383.443.664	211.328.653.198	-
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	250.593.924.474	77.197.772.311	126.331.358.506	47.064.793.657
Nợ thuê tài chính	42.674.380.823	11.814.107.844	30.860.272.979	-
Trái phiếu thường	43.606.750.000	22.000.000.000	21.606.750.000	-
Cộng	336.875.055.297	111.011.880.155	178.798.381.485	47.064.793.657

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	VAY DÀI HẠN NGÂN HÀNG	NỢ THUÊ TÀI CHÍNH	TRÁI PHIẾU THƯỜNG	VAY DÀI HẠN CÁC TỔ CHỨC KHÁC	CỘNG
Số đầu năm	174.749.094.733	30.860.272.979	21.606.750.000	-	227.216.117.712
Số tiền vay phát sinh trong năm	18.664.502.370	19.834.908.881	-	43.610.052.877	82.109.464.128
Số tiền vay đã trả trong năm	(1.585.563.620)	(2.661.418.378)	-	-	(4.246.981.998)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(56.273.502.296)	(15.619.694.348)	(21.803.375.000)	(250.000.000)	(113.946.571.644)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	-	196.625.000	-	196.625.000
Số cuối năm	135.554.531.187	32.414.069.134	-	43.360.052.877	211.328.653.198

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Các khoản dự phòng phải trả

Là các khoản dự phòng chi phí bảo hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho các sản phẩm đã bán và còn trong thời hạn bảo hành.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Số đầu năm	14.874.442.032	13.903.869.097
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	513.943.158	3.697.018.315
Phân loại lại sang quỹ Đầu tư phát triển	-	(511.339.763)
Tăng khác	-	80.801.522
Giảm khác	(187.732.546)	-
Chi quỹ	(1.290.375.000)	(2.295.907.139)
Số cuối năm	13.910.277.644	14.874.442.032

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU	CỔ PHIẾU QUỸ	CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU	LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT	CỘNG
Số dư đầu năm trước	853.873.370.000	(47.771.902.648)	35.159.000.000	(4.186.322.972)	-	27.222.553.561	-	199.168.744.159	52.804.570.854	1.116.270.012.954
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	98.956.178.833	6.792.170.549	105.748.349.382
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	17.008.440.000	-	-	-	-	-	-	(17.008.440.000)	-	-
Phí tư vấn phát hành cổ phiếu	-	(135.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	(135.000.000)
Góp vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	133.827.310.606	133.827.310.606
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	8.577.202.778	209.828.408	(12.259.172.646)	(224.876.855)	(3.697.018.315)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(549.991.553)	(70.220.447)	(620.212.000)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	(68.054.781.600)	(7.443.500.000)	(75.498.281.600)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	(1.665.791.015)	-	-	-	-	(1.665.791.015)
Tăng/giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	175.926.453	-	(173.775.218)	509.188.528	511.339.763
Số dư cuối năm trước	870.881.810.000	(47.906.902.648)	35.159.000.000	(4.186.322.972)	(1.665.791.015)	35.975.682.792	209.828.408	200.078.761.975	186.194.643.235	1.274.740.709.775
Số dư đầu năm nay	870.881.810.000	(47.906.902.648)	35.159.000.000	(4.186.322.972)	(1.665.791.015)	35.975.682.792	209.828.408	200.078.761.975	186.194.643.235	1.274.740.709.775
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	44.059.698.428	45.447.109.886	89.506.808.314
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	1.284.857.894	-	(1.546.976.801)	(251.824.251)	(513.943.158)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	(590.858.199)	(104.146.461)	(695.004.660)
Chênh lệch tỷ giá quy đổi báo cáo	-	-	-	-	1.174.689.720	-	-	-	-	1.174.689.720
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	43.377.460.000	-	7.738.500.000	-	-	-	-	(59.127.440.000)	8.011.480.000	-
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	-	(43.384.660.500)	(2.420.500.000)	(45.805.160.500)
Điều chỉnh tăng giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(533.240.121)	4.854.972.445	4.321.732.324
Số dư cuối năm nay	914.259.270.000	(47.906.902.648)	42.897.500.000	(4.186.322.972)	(491.101.295)†	37.260.540.686	209.828.408	138.955.284.782	241.731.734.854	1.322.729.831.815

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Ông Lê Vinh Sơn	146.078.920.000	139.122.790.000
Ông Lê Hoàng Hà	-	16.227.920.000
Các cổ đông khác	768.180.350.000	715.531.100.000
Cộng	914.259.270.000	870.881.810.000

23c. Cổ phiếu

	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	91.425.927	87.088.181
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	91.107.067	86.769.321
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	318.860	318.860
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	91.107.067	86.769.321

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Tập đoàn đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 18 tháng 6 năm 2020 như sau:

	VND
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền mặt	43.384.660.500
Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	43.377.460.000
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	431.004.660

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

NGOẠI TỆ CÁC LOẠI	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
Dollar Mỹ (USD)	1.143.112,06	529.787,14
Euro (EUR)	149,07	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**1a. Tổng doanh thu**

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Doanh thu bán hàng hóa	3.645.633.014.728	2.512.450.970.149
Doanh thu bán thành phẩm	1.663.328.292.008	2.436.777.760.051
Doanh thu cung cấp dịch vụ	38.494.792.942	60.668.642.959
Doanh thu Ngành Năng lượng mặt trời	214.115.837.466	-
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	620.696.485	-
Cộng	5.562.192.633.629	5.009.897.373.159

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Bán hàng cho		
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	2.309.577.935	7.600.677.883
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	5.924.526.109	211.105.102.610
Công ty cổ phần Sơn Hà - Wegen	30.996.101	71.592.647
Cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà Chu Lai	-	80.941.669
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	121.134.540	314.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Sakura	180.000.000	-
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	180.000.000	-
Các khoản giảm trừ		
Chiết khấu cho Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	-	5.879.118.028
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn trả lại hàng	-	43.023.326

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chiết khấu thương mại	165.600.377.310	170.818.438.861
Hàng bán bị trả lại	18.062.465.972	17.948.536.928
Giảm giá hàng bán	18.411.522.838	14.034.291.920
Cộng	202.074.366.120	202.801.267.709

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

3. Giá vốn hàng bán

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.244.585.632.443	2.289.363.456.647
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.197.723.813.846	1.801.938.452.908
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.037.260.380	33.489.112.543
Giá vốn ngành Điện Năng lượng Mặt trời	193.200.153.861	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.361.197.399)	(42.343.877)
Cộng	4.646.185.663.131	4.124.748.678.221

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.890.984.451	9.735.614.395
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty con	15.313.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.422.254.401	2.329.767.424
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	454.660.074	-
Cổ tức	604.141.200	523.589.040
Lãi thanh lý khoản đầu tư	2.142.249.650	-
Chiết khấu thanh toán	-	1.668.000.000
Doanh thu tài chính khác	789.604.591	399.969.709
Cộng	24.319.207.367	14.656.940.568

5. Chi phí tài chính

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí lãi vay	155.472.537.037	134.075.712.491
Chiết khấu thanh toán	10.393.550.356	6.947.614.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.579.555.938	2.834.102.040
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.691.295	389.809.274
Chi phí tài chính khác	856.669.475	88.165.633
Cộng	178.306.004.101	144.335.404.061

6. Chi phí bán hàng

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí cho nhân viên	12.890.984.451	9.735.614.395
Chi phí vật liệu, bao bì	15.313.000	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	7.422.254.401	2.329.767.424
Chi phí khấu hao tài sản cố định	454.660.074	-
Chi phí bảo hành	604.141.200	523.589.040
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	2.142.249.650	-
Chi phí vận chuyển, chi phí xuất khẩu	-	1.668.000.000
Chi phí thuê showroom	789.604.591	399.969.709
Chi phí thuê kho	24.319.207.367	14.656.940.568
Các chi phí khác	84.723.332.360	39.987.866.845
Cộng	291.082.539.110	295.606.442.542

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí cho nhân viên	71.612.496.565	61.942.846.438
Chi phí vật liệu quản lý	1.737.434.127	1.267.799.177
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.176.932.613	2.609.876.110
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.367.778.826	7.487.892.504
Thuế, phí và lệ phí	349.203.223	555.004.145
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	1.739.274.461	(581.617.107)
Chi phí thanh toán, mở L/C	16.467.242.144	5.652.968.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.037.874.439	4.077.735.780
Các chi phí khác	14.380.762.621	38.858.550.074
Cộng	144.868.999.019	121.871.055.196

8. Thu nhập khác

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ	5.664.629.609	5.085.634.552
Thanh lý tài sản	58.665.413	209.493.666
Phạt vi phạm hợp đồng	3.336.626.284	1.680.652.145
Xử lý công nợ	206.396.310	1.920.491.234
Thưởng sản lượng từ nhà cung cấp	348.182.263	1.021.782.745
Xử lý chênh lệch kiểm kê	-	875.215.357
Thu phạt người lao động	30.449.590	345.056.819
Thu nhập khác	2.350.189.766	2.553.812.437
Cộng	11.995.139.235	13.692.138.955

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

9. Chi phí khác

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	1.466.352.757
Lỗ thanh lý công cụ dụng cụ	107.439.437	387.037.852
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.696.262.308	600.188.497
Chi phí hoàn ứng không có hóa đơn, chứng từ	522.853.000	256.916.000
Phạt do vi phạm hợp đồng	3.755.214.660	279.956.659
Chi phí khác	2.480.696.620	4.068.977.163
Cộng	10.562.466.025	7.059.428.928

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	44.059.698.428	98.956.178.833
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	(1.284.857.894)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(513.943.158)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	44.059.698.428	97.157.377.781
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	91.107.067	91.107.067
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	484	1.066

10b. Thông tin khác

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước cũng được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Các điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.136 VND xuống còn 1.066 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.434.804.598.013	2.819.344.893.268
Chi phí nhân công	265.610.663.056	272.373.425.477
Chi phí khấu hao tài sản cố định	84.625.226.251	71.142.709.475
Chi phí dịch vụ mua ngoài	248.641.746.139	234.746.020.239
Chi phí khác	104.236.719.411	117.061.299.531
Cộng	3.137.918.952.870	3.514.668.347.990

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tăng tài sản thông qua việc nhận nợ thuê tài chính	18.146.697.364	37.378.967.593
Trả lại tài sản thuê tài chính	313.568.019	-
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	15.749.980.000	17.008.440.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên một thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Ông Lê Vĩnh Sơn – Chủ tịch Công ty dùng 1.120.000 cổ phiếu SHI thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa theo hợp đồng cấp tín dụng số 50678.20.058.2475643.TD ngày 6/10/2020 (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6 và V.19.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Tiền lương và phụ cấp	7.025.501.249	5.346.270.974
Thù lao	431.004.660	451.212.000
Cộng	7.456.505.909	5.797.482.974

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

BÊN LIÊN QUAN KHÁC	MỐI QUAN HỆ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Tổng hợp Sơn Hà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà - Wegen	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn (Sơn Hà Sài Gòn)	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Quốc tế Sơn Hà - Chu Lai	Công ty con của Sơn Hà Sài Gòn
Công ty Cổ phần Đầu tư LGC Việt Nam	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Dịch vụ Sakura	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Đầu tư Tổng hợp Lệ Gia	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt
Công ty TNHH MTV Sản xuất Đầu tư và Phát triển Hoàng Hà	Công ty liên quan của thành viên chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
Công ty cổ phần Sơn Hà - Wegen		
Mua hàng hóa, tài sản	3.820.655.718	-
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn		
Thuê tài sản	40.560.000	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh hàng gia dụng.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng công nghiệp.
- Lĩnh vực kinh doanh khác



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	HÀNG CÔNG NGHIỆP	HÀNG GIA DỤNG	LĨNH VỰC KHÁC	CỘNG
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.461.591.465.528	3.609.756.595.517	288.770.206.464	5.360.118.267.509
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.461.591.465.528	3.609.756.595.517	288.770.206.464	5.360.118.267.509
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89.235.495.862	71.955.285.650	552.741.822.866	713.932.604.378
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(435.951.538.129)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	277.981.066.249
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	24.319.207.367
Chi phí tài chính	-	-	-	(178.306.004.101)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	376.052.028
Thu nhập khác	-	-	-	11.995.139.235
Chi phí khác	-	-	-	(10.562.466.025)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	(36.296.186.439)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	89.506.808.314
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	2.568.717.535	163.950.620.740	8.234.486.601	174.753.824.876
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.221.106.522.523	3.454.425.571.746	131.564.011.181	4.807.096.105.450
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.221.106.522.523	3.454.425.571.746	131.564.011.181	4.807.096.105.450
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	104.154.467.127	534.715.668.209	43.477.291.893	682.347.427.229
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	(417.477.497.738)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	264.869.929.491
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	14.656.940.568
Chi phí tài chính	-	-	-	(144.335.404.061)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	(1.895.490.669)
Thu nhập khác	-	-	-	13.692.138.955
Chi phí khác	-	-	-	(7.059.428.928)

	HÀNG CÔNG NGHIỆP	HÀNG GIA DỤNG	LĨNH VỰC KHÁC	CỘNG
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(34.180.335.974)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				105.748.349.382
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	6.257.750.506	32.336.467.365		38.594.217.871
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	14.029.645.628	57.113.063.847		71.142.709.475

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	HÀNG CÔNG NGHIỆP	HÀNG GIA DỤNG	LĨNH VỰC KHÁC	CỘNG
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	812.236.028.069	3.561.095.989.806	114.769.557.944	4.488.101.575.819
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				16.676.552.527
Tổng tài sản				4.504.778.128.346
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	563.425.203.471	2.535.643.728.106	82.979.364.954	3.182.048.296.531
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				3.182.048.296.531
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	864.992.817.043	2.908.807.916.456	36.811.989.910	3.810.612.723.409
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				250.623.452.907
Tổng tài sản				4.061.236.176.316
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	725.797.788.833	2.038.761.612.501	21.936.065.207	2.786.495.466.541
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				
Tổng nợ phải trả				2.786.495.466.541

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chỉ có trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Đinh Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Trương Văn Tiến

Chủ tịch HĐQT



Lê Vinh Sơn

FREESOLAR
HỆ THỐNG
ĐIỆN MẶT TRỜI ÁP MÁI



☎ 1900 3188

 **SONHA**